

Tài liệu này được xem như một phần không thể thiếu của xe và được giao kèm theo xe khi bán lại.

Tài liệu này cung cấp những thông tin sản xuất mới nhất có được tại thời điểm in tài liệu. Công ty Honda Motor có quyền thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần phải thông báo trước và không chịu bất cứ trách nhiệm nào.

Không được phép tái bản bất cứ phần nào của tài liệu nếu không có sự cho phép bằng văn bản của tác giả.

Hình minh họa trong cuốn sách này có thể không giống với hình thực tế.

Để tham khảo thêm thông tin, Quý Khách vui lòng truy cập
"Câu hỏi thường gặp" theo đường dẫn:

<https://www.honda.com.vn/cau-hoi-thuong-gap>

Khi cần tư vấn, vui lòng liên hệ:

Phòng Quan Hệ Khách Hàng - Công ty Honda Việt Nam.

Hotline miễn phí: 18008001

Email: cr@honda.com.vn

Giờ làm việc: 7h30 - 18h00 hàng ngày, trừ các ngày nghỉ lễ.

Lời chào

Cảm ơn bạn đã chọn mua sản phẩm của chúng tôi. Sự lựa chọn này đã giúp bạn trở thành một trong những thành viên của gia đình khách hàng thân thiết, ưa chuộng sản phẩm của Honda trên toàn cầu và góp phần xây dựng chất lượng trong từng sản phẩm của chúng tôi.

Để đảm bảo an toàn và mang lại cảm giác thoải mái khi lái xe:

- Hãy đọc kỹ tài liệu này.
- Hãy thực hiện theo những khuyến cáo và quy trình nêu ra trong cuốn sách này.
- Đặc biệt chú ý đến những thông điệp an toàn trong cuốn sách này và trên xe máy.

- Mã số trong cuốn sách này chỉ quốc gia trực tiếp bán hàng.
- Hình minh họa sau đây dựa trên loại xe CBR500R ED.

Mã quốc gia

Mã số	Quốc gia
CBR500R	
ED	Bán trực tiếp tại Châu Âu
U	Úc, New Zealand
KO	Hàn Quốc

*Thông số kỹ thuật có thể thay đổi theo từng nơi.

Đôi lời về vấn đề an toàn

Sự an toàn của bạn và những người xung quanh là rất quan trọng. Điều khiển xe an toàn là một trách nhiệm rất quan trọng. Để giúp bạn điều khiển xe an toàn, chúng tôi đã cung cấp thông tin về quy trình vận hành và các thông tin khác ở các nhãn mác trên xe và trong tài liệu Hướng dẫn sử dụng này. Những thông tin này sẽ cảnh báo cho bạn về những nguy cơ tiềm ẩn có thể gây nguy hiểm cho bạn và người khác. Tuy nhiên, khó có thể cảnh báo cho bạn về tất cả những nguy hiểm có thể gặp phải khi điều khiển hay thực hiện bảo dưỡng chiếc xe này. Do đó bạn phải tự đưa ra những quyết định của riêng mình.

Bạn có thể tìm thấy những thông tin an toàn quan trọng ở một số dạng, bao gồm:

- Nhãn an toàn dán trên xe
- Thông điệp an toàn bao gồm một biểu tượng cảnh báo  và một trong ba từ: NGUY HIỂM, CẢNH BÁO hoặc CHÚ Ý. Ba từ này có ý nghĩa như sau:

NGUY HIỂM

Bạn SẼ bị TỬ VONG hoặc THƯƠNG TÍCH NGHIÊM TRỌNG nếu không thực hiện theo hướng dẫn.

CẢNH BÁO

Bạn CÓ THỂ SẼ bị TỬ VONG hoặc THƯƠNG TÍCH NGHIÊM TRỌNG nếu không thực hiện theo hướng dẫn.

CHÚ Ý

Bạn CÓ THỂ bị THƯƠNG TÍCH nếu không thực hiện theo hướng dẫn.

Những thông tin quan trọng khác được cung cấp dưới những tiêu đề sau:

LƯU Ý Thông tin này được cung cấp với mục đích giúp bạn tránh làm hỏng xe, các tài sản khác, hoặc làm ảnh hưởng đến môi trường.

Nội dung

An toàn xe máy

T. 2

Hướng dẫn vận hành

T. 18

Bảo dưỡng

T. 61

Tìm kiếm hư hỏng

T. 99

Thông tin

T. 112

Thông số kỹ thuật

T. 127

Mục lục

T. 130

An toàn xe máy

Phần này bao gồm những thông tin quan trọng liên quan đến việc lái xe an toàn.
Vui lòng đọc kỹ những thông tin này.

Hướng dẫn về an toàn	T. 3
Nhãn hình ảnh.....	T. 6
Những cảnh báo về an toàn	T. 10
Cảnh báo khi lái xe	T. 11
Phụ kiện & Thay đổi thiết kế.....	T. 15
Trọng tải	T. 16

Hướng dẫn về an toàn

Làm theo những hướng dẫn sau đây để đảm bảo an toàn:

- Thực hiện kiểm tra định kỳ theo hướng dẫn trong cuốn sách này.
- Tắt máy và để xe tránh xa khu vực có lửa hoặc tia lửa trước khi đổ xăng.
- Không nổ máy ở nơi đóng kín hoàn toàn hoặc đóng kín một phần. Khí cacbon monoxit trong khí xả của động cơ là chất độc có thể gây chết người.

Luôn đội mũ bảo hiểm

Thực tế đã chứng minh: đội mũ bảo hiểm và mặc trang phục bảo hộ làm giảm đáng kể số lượng và mức độ thương tích ở đầu và các tổn thương khác. Vì vậy, hãy luôn đội mũ bảo hiểm đạt tiêu chuẩn và mặc trang phục bảo hộ phù hợp. 📖 T. 10

Trước khi lái xe

Chắc chắn rằng bạn đang trong trạng thái khỏe mạnh về thể chất, tỉnh táo về tinh thần

và không uống rượu bia hoặc sử dụng chất kích thích. Hãy đảm bảo bạn và người ngồi sau đều đội mũ bảo hiểm đạt tiêu chuẩn và mặc trang phục bảo hộ. Hướng dẫn người ngồi sau giữ dây đai yên hoặc hông người lái, nghiêng cùng hướng với người lái khi rẽ, đặt chân lên thanh gác chân ngay cả khi dừng xe.

Dành thời gian để học lái xe và tập lái

Kể cả khi bạn đã lái một chiếc xe khác, hãy tập lái xe ở nơi an toàn để biết cách vận hành và điều khiển xe, quen dần với kích thước và trọng lượng của xe.

Lái xe một cách thận trọng

Luôn chú ý đến các phương tiện xung quanh, không nên cho rằng những người xung quanh đều nhìn thấy bạn. Chuẩn bị tinh thần dừng đúng lúc.

Hãy để người khác dễ nhìn thấy bạn

Hãy mặc quần áo có phản quang khi đi đường đặc biệt vào ban đêm để người khác dễ dàng nhìn thấy bạn, hãy bật đèn báo rẽ trước khi rẽ hoặc chuyển làn đường để cho người khác chú ý đến bạn, và sử dụng còi khi cần thiết.

Điều khiển xe trong giới hạn cho phép

Không chạy xe vượt quá khả năng của bạn và điều kiện cho phép. Tâm trạng mệt mỏi và mất tập trung có thể làm ảnh hưởng đến khả năng đánh giá tình huống và lái xe an toàn của bạn.

Không lái xe khi uống rượu bia hoặc sử dụng chất kích thích

Không điều khiển xe khi đã uống rượu, bia hoặc sử dụng chất kích thích. Chỉ một chút đồ uống có cồn cũng có thể làm giảm khả năng phản ứng với các điều kiện thay đổi và thời gian phản ứng lại tình huống của bạn sẽ càng kém hơn khi bạn uống thêm. Điều này cũng xảy ra tương tự khi bạn sử dụng chất kích thích. Do vậy không lái xe khi đã uống rượu

bia hoặc sử dụng chất kích thích và không để người đi cùng điều khiển xe khi đã uống rượu bia.

Giữ xe máy của bạn ở điều kiện an toàn

Bảo dưỡng xe đúng cách và lái xe an toàn là một việc làm rất quan trọng.

Kiểm tra xe trước khi lái và thực hiện bảo dưỡng xe theo đúng lịch bảo dưỡng trong cuốn sách này. Không được chở quá trọng tải cho phép (► T. 16), và không được điều chỉnh xe hoặc lắp thêm phụ kiện làm cho xe mất an toàn (► T. 15).

Khi gặp sự cố trên đường

An toàn tính mạng là ưu tiên hàng đầu khi bị sự cố. Nếu bạn hoặc bất kì ai khác không may bị thương, hãy đánh giá mức độ nghiêm trọng của vết thương và xem liệu có đủ an toàn để tiếp tục lái xe không. Gọi cấp cứu ngay nếu cần. Thực hiện theo luật và quy định của địa phương khi có người hoặc phương tiện khác có liên quan đến tai nạn.

Nếu bạn quyết định tiếp tục lái xe, trước tiên phải vặn khóa điện về vị trí **○** (Off), và đánh giá tình trạng xe. Kiểm tra rò rỉ dầu/dung dịch, kiểm tra sự siết chặt của các ốc và bu lông quan trọng, sau đó kiểm tra hoạt động của tay lái, các cần điều khiển, phanh và bánh xe. Lái xe thật chậm và cẩn thận.

Chiếc xe của bạn có thể bị hư hỏng ở bộ phận nào đó mà mắt thường không thể nhìn thấy ngay được. Hãy mang xe đến một trạm sửa chữa uy tín để được kiểm tra xe kỹ càng ngay khi có thể.

Khí độc cacbon monoxit

Khí xả của động cơ có chứa khí cacbon monoxit không màu, không mùi, độc hại. Hít phải khí này có thể gây bất tỉnh và có thể dẫn đến tử vong.

Nếu vận hành động cơ ở khu vực đóng kín hoàn toàn hoặc đóng kín một phần, lượng khí mà bạn hít phải có thể có chứa một lượng khí cacbon monoxit độc hại.

Do vậy không được nổ máy ở trong gara hoặc khu vực đóng kín.

CẢNH BÁO

Vận hành động cơ ở khu vực đóng kín hoàn toàn hoặc đóng kín một phần sẽ sinh ra khí cacbon monoxit độc hại.

Hít phải loại khí không màu không mùi này có thể gây bất tỉnh và có thể dẫn đến tử vong.

Chỉ vận hành động cơ ở khu vực bên ngoài có thông gió tốt.

Nhãn hình ảnh

Loại ED, U

Các trang sau đây mô tả ý nghĩa của nhãn. Một số nhãn cảnh báo cho bạn biết những rủi ro tiềm ẩn có thể gây thương tích nghiêm trọng. Các nhãn khác cung cấp thông tin an toàn quan trọng. Hãy đọc kỹ thông tin này, không bóc bỏ nhãn.

Nếu nhãn bong ra hoặc khó đọc, hãy liên hệ Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để thay thế.

Trên mỗi nhãn có một biểu tượng cụ thể. Ý nghĩa của mỗi biểu tượng và nhãn được mô tả như sau.



Hãy đọc kỹ hướng dẫn trong sách Hướng dẫn sử dụng.



Hãy đọc kỹ hướng dẫn trong sách Hướng dẫn bảo trì. Vì sự an toàn của bạn, hãy để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda sửa chữa xe cho bạn.



NGUY HIỂM (có nền màu ĐỎ)

Bạn SẼ bị TỬ VONG hoặc THƯƠNG TÍCH NGHIÊM TRỌNG nếu không thực hiện theo hướng dẫn.

CẢNH BÁO (có nền màu CAM)

Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc THƯƠNG TÍCH NGHIÊM TRỌNG nếu không thực hiện theo hướng dẫn.

CHÚ Ý (có nền màu VÀNG)

Bạn CÓ THỂ bị THƯƠNG TÍCH nếu không thực hiện theo hướng dẫn.



NHÃN BÌNH ĐIỆN NGUY HIỂM

- Để bình điện tránh xa tia lửa và nguồn lửa. Bình điện sinh ra khí dễ nổ có thể gây nổ.
- Đeo thiết bị bảo vệ mắt và găng tay cao su khi xử lý bình điện, nếu không dung dịch điện phân có thể gây bỏng hoặc mất thị lực.
- Không để trẻ nhỏ hoặc người khác tiếp xúc vào bình điện trừ khi họ biết rõ cách xử lý an toàn và nhận thức được các rủi ro mà bình điện có thể gây ra.
- Xử lý dung dịch điện phân một cách thật cẩn thận vì dung dịch này có chứa axit sunfuric loãng. Da hoặc mắt tiếp xúc với dung dịch điện phân có thể bị bỏng hoặc mất thị lực.
- Đọc kỹ tài liệu Hướng dẫn sử dụng và hiểu rõ trước khi xử lý bình điện. Việc không tuân theo hướng dẫn có thể gây thương tích và hỏng xe.
- Không sử dụng bình điện có mức dung dịch điện phân chạm hoặc dưới vạch dưới. Bình điện có thể nổ và gây thương tích nghiêm trọng.



NHÃN NẤP KÉT TÀN NHIỆT NGUY HIỂM

Loại ED

KHÔNG MỜ KHI NÓNG.

Dung dịch làm mát còn nóng có thể gây bỏng.
Van giảm áp bắt đầu mở ở **1,1 kgf/cm²**.



NHÃN CẢNH BÁO PHỤ KIỆN VÀ TRỌNG TẢI CẢNH BÁO

Loại ED

PHỤ KIỆN VÀ TRỌNG TẢI

- Độ ổn định, an toàn và việc sử dụng xe có thể bị ảnh hưởng bởi việc lắp thêm các phụ kiện và hành lý.
- Đọc kỹ hướng dẫn trong hướng dẫn sử dụng và hướng dẫn lắp đặt trước khi lắp phụ kiện.
- Tổng khối lượng phụ kiện và hành lý cộng thêm với người lái và người ngồi sau không được vượt quá **182 kg (401 lb)**, đây là khối lượng trọng tải tối đa.
- Khối lượng của hành lý không được vượt quá **11 kg (24 lb)** trong bất kỳ tình huống nào.
- Không gắn các ốp cản gió kích thước lớn vào giảm xóc trước hay tay lái.



NHÃN GIẢM XÓC SAU

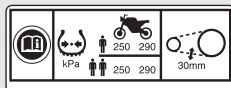
ĐÃ NẠP ĐẦY KHÍ

Không mở. Không làm nóng.

THÔNG TIN LỐP & NHÃN XÍCH TẢI

Áp suất lốp nguội:

[Chỉ người lái]



Lốp trước **250 kPa (2.50 kgf/cm², 36 psi)**

Lốp sau **290 kPa (2.90 kgf/cm², 42 psi)**

[Người lái và người ngồi sau]

Lốp trước **250 kPa (2.50 kgf/cm², 36 psi)**

Lốp sau **290 kPa (2.90 kgf/cm², 42 psi)**

Điều chỉnh và bôi trơn xích.

Độ chùng xích **25 - 35 mm (1.0 - 1.4 in)**

NHÃN CẢNH BÁO AN TOÀN

Vì sự an toàn của bạn, luôn đội mũ bảo hiểm, mặc trang phục bảo hộ.

NHÃN NHIÊN LIỆU

Chỉ sử dụng loại xăng không chì

Không quá 10 % ETHANOL



Những cảnh báo về an toàn

- Lái xe một cách cẩn thận và để tay ở trên tay lái, chân để trên thanh gác chân.
- Tay của người ngồi sau phải đặt ở dây đai yên hoặc ngang hông người lái, chân của người ngồi sau phải đặt trên thanh gác chân khi chạy xe.
- Luôn chú ý đến vấn đề an toàn của cả người lái, người ngồi sau và các phương tiện khác.

Trang phục bảo hộ

Chắc chắn rằng bạn và người ngồi sau phải đội mũ bảo hiểm đạt tiêu chuẩn, đeo kính bảo vệ mắt và mặc quần áo bảo hộ có màu sắc dễ nhận biết. Tránh mặc quần áo quá rộng vì có thể bị cuốn vào bất kỳ bộ phận nào của xe. Lái xe một cách cẩn thận để kịp thời ứng phó với điều kiện đường sá và thời tiết.

■ Mũ bảo hiểm

Sử dụng mũ bảo hiểm đạt tiêu chuẩn về an toàn, có màu sắc dễ nhận biết, vừa vặn với đầu

- Mũ không những phải vừa vặn với đầu mà còn phải đảm bảo an toàn, có quai đeo sát cằm.
- Kính che mặt phải bảo vệ mắt và không được che khuất tầm nhìn.

CẢNH BÁO

Không đội mũ bảo hiểm sẽ làm tăng khả năng bị thương hoặc tử vong khi bị tai nạn.

Chắc chắn rằng bạn và người ngồi sau phải luôn đội mũ bảo hiểm đạt tiêu chuẩn và mặc trang phục bảo hộ thích hợp.

■ Găng tay

Sử dụng găng tay da che kín các ngón tay và có khả năng chống trầy xước

■ Giày bảo hộ

Sử dụng giày bảo hộ có đế chống trượt và bảo vệ mắt cá chân

■ Áo khoác và quần dài

Sử dụng loại áo khoác dài tay, có màu sắc dễ nhận biết, có khả năng bảo vệ và quần dài chất liệu bền dành cho việc lái xe (hoặc mặc trang phục bảo hộ).

Cảnh báo khi lái xe

Thời gian chạy rà

Trong 500 km (300 dặm) đầu tiên, hãy tuân theo những hướng dẫn sau để đảm bảo xe có độ bền và tính năng hoạt động tốt trong tương lai.

- Tránh khởi động hết ga và tăng tốc nhanh.
- Tránh phanh gấp và sang số nhanh.
- Lái xe cẩn thận.

LƯU Ý

Nổ máy tại chỗ trong thời gian dài có thể làm hỏng động cơ do điều kiện làm mát và bôi trơn không đảm bảo.

Phanh

Lưu ý những điểm sau:

- Tránh phanh quá gấp và sang số quá nhanh.
 - ▶ Phanh gấp có thể làm giảm tính ổn định của xe.
 - ▶ Nếu có thể, hãy giảm tốc trước khi rẽ, nếu không xe có thể bị trượt.
- Đặc biệt chú ý khi đi trên bề mặt ít ma sát.
 - ▶ Lốp xe rất dễ bị trượt khi đi trên những bề mặt như vậy và khoảng cách phanh sẽ dài hơn.
- Tránh phanh liên tục.
 - ▶ Phanh liên tục khi đi trên dốc dài, cao có thể gây quá nhiệt hệ thống phanh, làm giảm hiệu quả của phanh. Sử dụng phanh động cơ và phanh ngắt quãng để giảm tốc độ của xe.
- Để phanh đạt hiệu quả tối ưu, hãy sử dụng đồng thời cả phanh trước và phanh sau.

■ Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)

Loại xe này được trang bị hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) giúp ngăn không cho phanh khóa cứng bánh xe trong khi phanh gấp.

- ABS không làm giảm khoảng cách phanh. Trong một số trường hợp nhất định, ABS có thể khiến khoảng cách dừng dài hơn.
- ABS không hoạt động khi lái xe ở tốc độ dưới 10 km/h (6 dặm/giờ).
- Tay phanh và bàn đạp phanh có thể giật nhẹ khi sử dụng các phanh. Đây là hiện tượng bình thường.
- Luôn sử dụng loại lốp trước/sau và không tải khuyến dùng để đảm bảo ABS hoạt động chính xác.

Phanh động cơ

Sử dụng phanh động cơ giúp làm giảm tốc độ xe khi nhả ga. Để xe đi chậm hơn, hãy về số thấp hơn. Sử dụng phanh động cơ cùng với phanh ngắt quãng để giảm tốc độ khi xuống dốc dài, cao.

Điều kiện thời tiết ẩm ướt và mưa nhiều

Bề mặt đường rất dễ bị trơn trượt khi bị ẩm ướt và phanh bị ẩm cũng làm giảm hiệu quả của phanh.

Cần đặc biệt chú ý khi phanh ở những khu vực này.

Nếu phanh bị ẩm ướt, hãy sử dụng phanh trong khi lái xe ở tốc độ thấp để giúp làm khô phanh.

Dựng xe

- Dựng xe trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn.
- Nếu buộc phải dựng xe trên bề mặt dốc hoặc trơn trượt, hãy dựng xe sao cho không bị di chuyển hoặc bị đổ.
- Chắc chắn không để vật liệu dễ cháy ở gần các chi tiết có nhiệt độ cao.
- Không chạm vào khu vực gần động cơ, ống xả, phanh hoặc các chi tiết có nhiệt độ cao khác cho đến khi chúng nguội hẳn.
- Để giảm thiểu nguy cơ mất trộm, luôn nhớ khóa cổ lái và rút chìa khóa ra khi rời khỏi xe. Sử dụng thiết bị chống trộm được khuyến cáo.

Dựng xe bằng chân chống nghiêng

1. Tắt máy.
2. Gạt chân chống nghiêng xuống.

3. Từ từ nghiêng xe sang bên trái cho đến khi trọng lượng xe dồn hết về phía chân chống nghiêng.
4. Quay hết tay lái sang trái.
 - Quay tay lái sang bên phải làm giảm tính ổn định và có thể làm đổ xe.
5. Vận khóa điện sang vị trí  (Lock) và rút chìa khóa ra.  T. 52

Hướng dẫn đổ xăng và lựa chọn loại xăng

Làm theo hướng dẫn sau để bảo vệ động cơ, hệ thống nhiên liệu và bộ chuyển đổi chất xúc tác:

- Chỉ sử dụng loại xăng không chì.
- Sử dụng xăng có chỉ số ốctan khuyến dùng. Sử dụng xăng có chỉ số ốctan thấp hơn loại khuyến dùng sẽ làm giảm tính năng hoạt động của động cơ.
- Không sử dụng xăng có chứa tỉ lệ cồn quá cao.  T. 125
- Không sử dụng xăng đã cũ, bẩn hoặc hỗn hợp xăng pha nhớt.
- Tránh để bụi bẩn hoặc nước lọt vào bên trong bình xăng.

Phụ kiện & Thay đổi thiết kế

Chúng tôi khuyến cáo bạn không nên lắp phụ kiện không chính hãng Honda lên xe hoặc thay đổi thiết kế ban đầu của xe vì có thể gây mất an toàn cho xe.

Thay đổi thiết kế ban đầu của xe có thể sẽ khiến cho xe không được bảo hành và bị coi là hành động bất hợp pháp khi sử dụng trên đường công cộng. Trước khi quyết định có nên lắp thêm phụ kiện cho xe hay không, hãy chắc chắn rằng việc thay đổi này là an toàn và hợp pháp.

CẢNH BÁO

Lắp thêm phụ kiện hoặc điều chỉnh xe không đúng cách có thể dẫn đến tai nạn gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Thực hiện theo những hướng dẫn về việc điều chỉnh và lắp thêm phụ kiện trong cuốn sách Hướng dẫn sử dụng này.

Không sử dụng rơ moóc hoặc xe kéo để kéo theo xe. Xe không được thiết kế để kéo, do vậy, sử dụng xe với mục đích này có thể gây ảnh hưởng lớn tới việc điều khiển xe.

Trọng tải

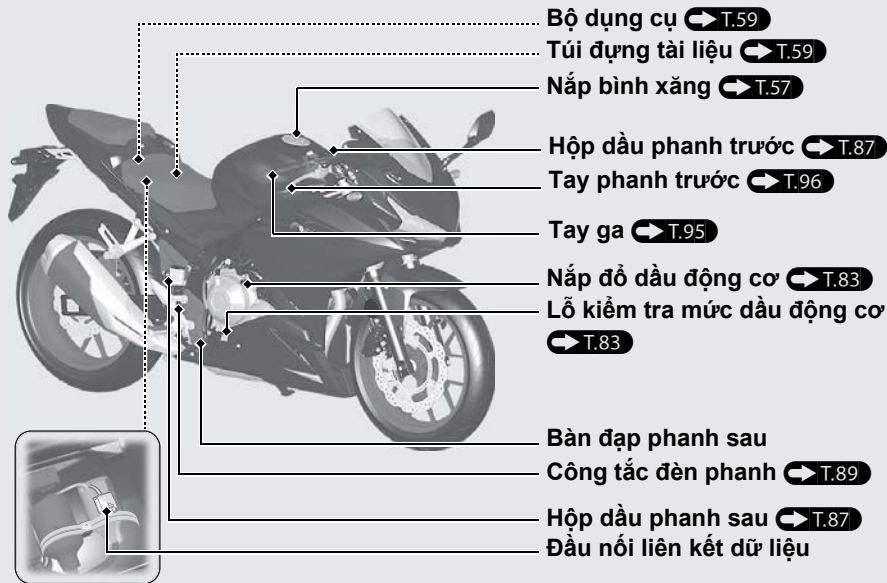
- Chở quá trọng tải cho phép ảnh hưởng không tốt đến việc điều khiển xe, khả năng phanh và mức độ ổn định của xe.
Luôn lái xe ở tốc độ an toàn khi xe có tải.
- Tránh chở quá trọng tải và luôn giữ ở mức giới hạn cho phép.
Khả năng chở tối đa / Khối lượng hành lý tối đa ➡ T. 127
- Buộc tất cả hành lý thật chặt, cân bằng và càng gần tâm xe càng tốt.
- Không để đồ gần đèn hoặc ống xả.

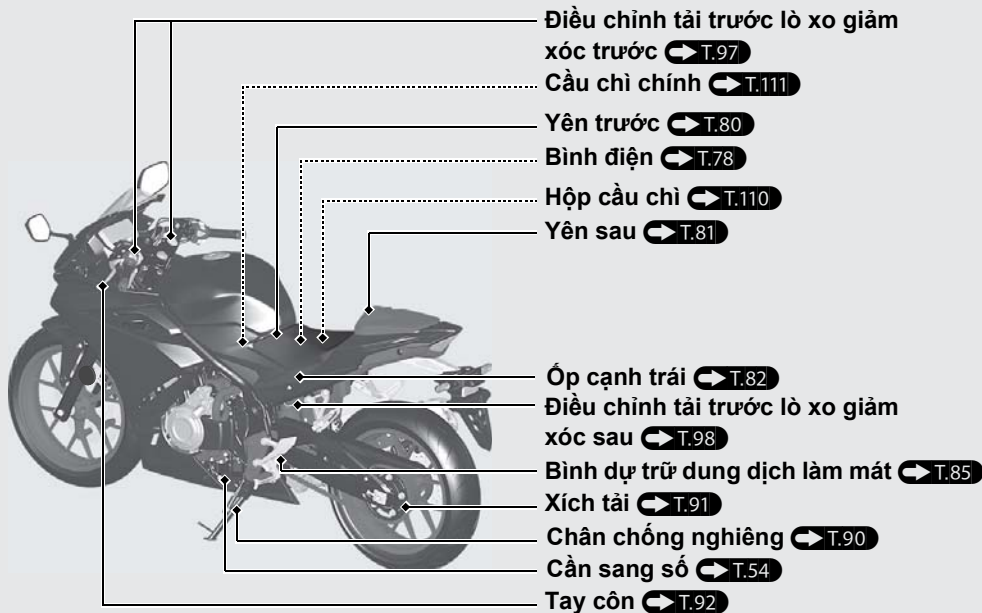
CẢNH BÁO

Chở quá tải hoặc chở không đúng cách sẽ có thể dẫn đến tai nạn và gây thương tích nghiêm trọng hoặc dẫn đến tử vong.

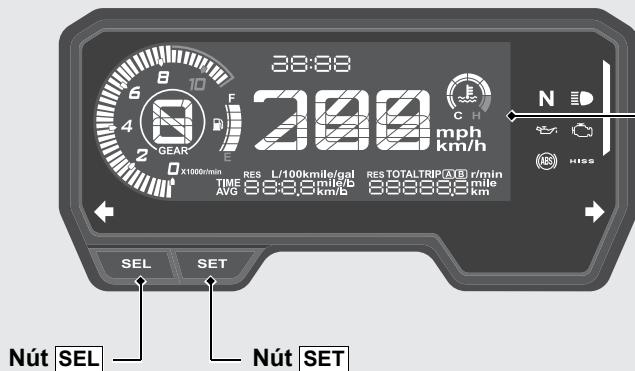
Tuân theo hướng dẫn về trọng tải và giới hạn trọng tải trong cuốn sách này.

Vị trí các bộ phận





Bảng thiết bị



Kiểm tra màn hình hiển thị

Khi vặn khóa điện sang vị trí I (On), màn hình sẽ hiển thị những thông tin ban đầu. Nếu có một phần tử nào không hiển thị trên bảng thiết bị theo như chức năng, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đồng hồ đo tốc độ động cơ vùng màu đỏ
(tốc độ động cơ quá cao)

Đồng hồ (hiển thị 12 giờ hoặc 24 giờ)
Để cài đặt đồng hồ: ➡ T.33

Đồng hồ đo tốc độ



Đèn báo vị trí số
Vị trí số hiển thị trong đèn báo vị trí số.

► Ký hiệu “-” xuất hiện khi sang số không đúng cách.

Đồng hồ đo tốc độ động cơ

LƯU Ý

Không vận hành động cơ ở vùng màu đỏ trên đồng hồ. Tốc độ động cơ quá cao có thể ảnh hưởng không tốt đến tuổi thọ của động cơ.

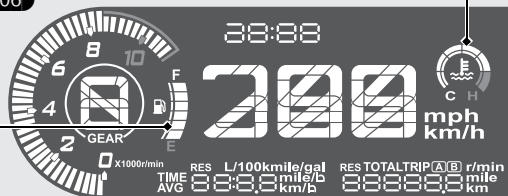
Bảng thiết bị (Tiếp theo)

Đồng hồ đo nhiệt độ dung dịch làm mát

Khi dung dịch làm mát cao hơn nhiệt độ quy định, vạch H nhấp nháy.

Nếu vạch H nhấp nháy khi đang chạy xe: ➡ T.101

Nếu đèn báo đồng hồ đo nhiệt độ dung dịch làm mát nhấp nháy: ➡ T.106



Đồng hồ báo xăng

Khi còn vạch (E) đầu tiên nhấp nháy, lượng xăng trong bình chỉ còn: xấp xỉ 3,2 lít (0.85 US gal, 0.70 Imp gal)

Nếu đèn báo xăng liên tục nhấp nháy hoặc tắt:

➡ T.105

LƯU Ý

Bạn nên đổ xăng khi đồng hồ chạm vạch E đầu tiên. Cạn kiệt nhiên liệu có thể làm động cơ hoạt động bất thường và làm hỏng bộ chuyển đổi chất xúc tác.



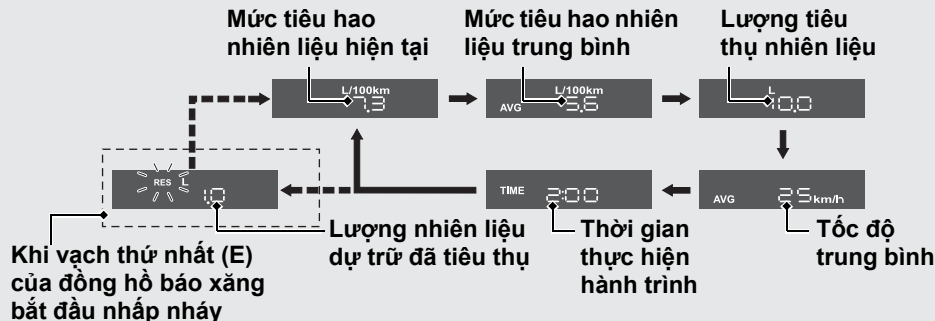
Vùng hiển thị A

Có thể chọn mục sau:

- Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại
- Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình [AVG]
- Lượng tiêu thụ nhiên liệu
- Tốc độ trung bình [AVG]
- Thời gian thực hiện hành trình [TIME]
- Lượng nhiên liệu dự trữ đã tiêu thụ [RES]

Thay đổi vùng hiển thị A

Với nút **[SEL]**, bạn có thể chuyển đổi vùng hiển thị A giữa mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình, lượng tiêu thụ nhiên liệu, tốc độ trung bình, thời gian thực hiện hành trình, và lượng nhiên liệu dự trữ đã tiêu thụ.



Khi vạch thứ nhất (E) của đồng hồ báo xăng bắt đầu nhấp nháy, mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình, lượng tiêu thụ nhiên liệu, tốc độ trung bình hoặc thời gian thực hiện hành trình chuyển sang lượng nhiên liệu dự trữ đã tiêu thụ.

Bảng thiết bị (Tiếp theo)

Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại

Hiện thị mức độ tiêu thụ nhiên liệu ở thời điểm hiện tại.

Phạm vi hiển thị: 0,0 tới 300,0 L/100km (km/L, dặm/gal hoặc dặm/L)

- Trên 300,0 L/100km (km/L, dặm/gal hoặc dặm/L): Màn hình hiển thị “300.0”.
- Khi tốc độ xe dưới 6 km/h (4 dặm/giờ): Màn hình hiển thị “---.-”.

Khi màn hình hiển thị “---.-” ngoại trừ các trường hợp đã nói trên, mang xe tới Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình [AVG]

Hiện thị mức tiêu hao nhiên liệu trung bình kể từ khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình đã chọn.

Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình sẽ được tính dựa trên giá trị hiển thị trên đồng hồ đo hành trình (A hoặc B) đã chọn.

Ngoài ra, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình hành trình A sẽ hiển thị khi chọn đồng hồ đo quãng đường, đồng hồ đo hành trình A, đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số và đồng hồ đo quãng đường đi được với lượng xăng dự trữ.

Phạm vi hiển thị: 0,0 tới 300,0 L/100km (km/L, dặm/gal hoặc dặm/L)

- Trên 300,0 L/100km (km/L, dặm/gal hoặc dặm/L): Màn hình hiển thị “300.0”.
- Khi đồng hồ đo hành trình A hoặc B được cài đặt lại: Màn hình hiển thị “---.-”.

Khi màn hình hiển thị “---.-” ngoại trừ các trường hợp đã nói trên, mang xe tới Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Để cài đặt lại mức tiêu hao nhiên liệu trung bình: ➡ T.29

Lượng tiêu thụ nhiên liệu

Hiển thị lượng tiêu thụ nhiên liệu kể từ khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình đã chọn. Lượng tiêu thụ nhiên liệu được tính dựa trên giá trị hiển thị trên đồng hồ đo hành trình (A hoặc B) đã chọn.

Ngoài ra, lượng tiêu thụ nhiên liệu của đồng hồ đo hành trình A sẽ hiển thị khi chọn đồng hồ đo quãng đường, đồng hồ đo hành trình A, đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số và đồng hồ đo quãng đường đi được với lượng xăng dự trữ.

Phạm vi hiển thị: 0,0 tới 300,0 L hoặc 0,0 tới 300,0 gal

- Trên 300,0 L hoặc 300,0 gal: Màn hình hiển thị “300.0”.

Khi màn hình hiển thị “---.-”, mang xe tới Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đề cài đặt lại lượng tiêu thụ nhiên liệu:



Tốc độ trung bình [AVG]

Hiển thị tốc độ trung bình kể từ khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình đã chọn.

Tốc độ trung bình sẽ được tính dựa trên giá trị hiển thị trên đồng hồ đo hành trình (A hoặc B) đã chọn.

Ngoài ra, tốc độ trung bình cho đồng hồ đo hành trình A sẽ hiển thị khi chọn đồng hồ đo quãng đường, đồng hồ đo hành trình A, đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số và đồng hồ đo quãng đường đi được với lượng xăng dự trữ.

Phạm vi hiển thị: 0 tới 299 km/h (0 tới 185 dặm/giờ)

- Màn hình hiển thị ban đầu: Màn hình hiển thị “---”.
- Khi xe đã di chuyển dưới 0,2 km (0,12 dặm) kể từ khi động cơ đã được khởi động: Màn hình hiển thị “---”.
- Khi thời gian vận hành xe dưới 30 giây kể từ khi động cơ đã được khởi động: Màn hình hiển thị “---”.

Bảng thiết bị (Tiếp theo)

Khi màn hình hiển thị "---" ngoài trừ các trường hợp đã nói trên, mang xe tới Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Để cài đặt lại tốc độ trung bình: ➡ T.29

Thời gian thực hiện hành trình [TIME]

Hiển thị thời gian vận hành kể từ khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình đã chọn.

Thời gian thực hiện hành trình sẽ được tính dựa trên giá trị hiển thị trên đồng hồ đo hành trình (A hoặc B) đã chọn.

Ngoài ra, thời gian thực hiện hành trình cho đồng hồ đo hành trình A sẽ hiển thị khi chọn đồng hồ đo quãng đường, đồng hồ đo hành trình A, đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số và đồng hồ đo quãng đường đi được với lượng xăng dự trữ.

Phạm vi hiển thị: 00:00 tới 99:59 (giờ:phút)

- Thời gian thực hiện hành trình sẽ trở về 0:00 khi giá trị đọc được trên đồng hồ vượt quá 99:59.

Để cài đặt lại thời gian thực hiện hành trình: ➡ T.29

Lượng nhiên liệu dự trữ đã tiêu thụ [RES]

Hiển thị lượng tiêu thụ nhiên liệu khi vạch thứ nhất (E) của đồng hồ báo xăng bắt đầu nháy sáng.

Khi vạch thứ nhất (E) của đồng hồ báo xăng bắt đầu nháy sáng, mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình, lượng tiêu thụ nhiên liệu, tốc độ trung bình hoặc thời gian thực hiện hành trình chuyển sang lượng nhiên liệu dự trữ đã tiêu thụ. Nên đổ xăng vào bình càng sớm càng tốt.

- Nháy từ "0.0" L hoặc gal.

- ▶ Khi lượng xăng tiêu thụ lớn hơn 1,0 L (0.26 US gal, 0.22 Imp gal), ký hiệu "RES" trên màn hình hiển thị nhấp nháy nhanh hơn.

Sau khi đổ xăng trên mức dự trữ, màn hình hiển thị sẽ trở lại bình thường.

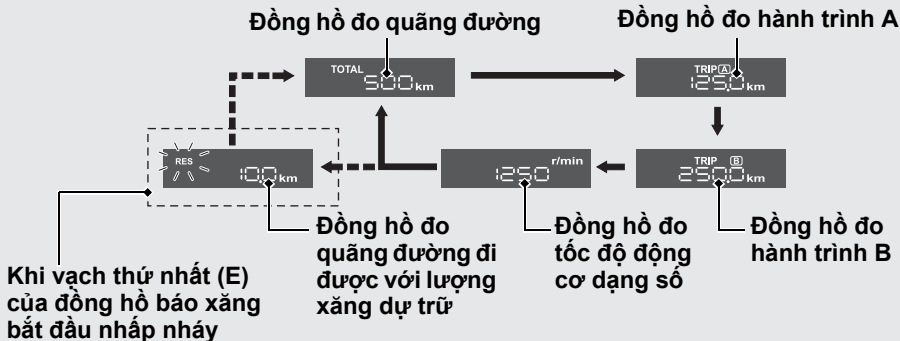
Vùng hiển thị B

Có thể chọn mục sau:

- Đồng hồ đo quãng đường [TOTAL]
- Đồng hồ đo hành trình [TRIP A/B]
- Đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số
- Đồng hồ đo quãng đường đi được với lượng xăng dự trữ [RES]

Thay đổi vùng hiển thị B

Với nút **[SET]**, bạn có thể chuyển đổi vùng hiển thị B giữa đồng hồ đo quãng đường, đồng hồ đo hành trình A, đồng hồ đo hành trình B, đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số, và đồng hồ đo quãng đường đi được với lượng xăng dự trữ.



Khi vạch thứ nhất (E) của đồng hồ báo xăng bắt đầu nhấp nháy, đồng hồ đo quãng đường, đồng hồ đo hành trình hoặc tốc độ động cơ dạng số chuyển sang đồng hồ đo quãng đường đi được với lượng xăng dự trữ.

Bảng thiết bị (Tiếp theo)

Đồng hồ đo quãng đường [TOTAL]

Tổng quãng đường xe đi được.

Khi màn hình hiển thị “-----”, mang xe tới Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đồng hồ đo hành trình [TRIP A/B]

Quãng đường tính từ khi đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại.

Khi màn hình hiển thị “-----”, mang xe tới Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình:



Đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số

Hiển thị vòng quay động cơ/phút.

Khoảng hiển thị: 0 tới 15.000 vòng/phút

- Trên 15.000 vòng/phút: Màn hình hiển thị “15,000”.

Đồng hồ đo quãng đường đi được với lượng xăng dự trữ [RES]

Quãng đường đi được kể từ khi vạch thứ nhất (E) của đồng hồ báo xăng bắt đầu nháy sáng.

Khi vạch thứ nhất (E) của đồng hồ báo xăng bắt đầu nháy sáng, đồng hồ đo quãng đường, đồng hồ đo hành trình hoặc tốc độ động cơ dạng số chuyển sang đồng hồ đo quãng đường đi được với lượng xăng dự trữ. Nên đổ xăng vào bình càng sớm càng tốt.

Khi màn hình hiển thị “----.-”, mang xe tới Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Sau khi đổ xăng trên mức dự trữ, màn hình hiển thị sẽ trở lại bình thường.

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình [TRIP A/B], mức tiêu hao nhiên liệu trung bình [AVG], lượng tiêu thụ nhiên liệu, tốc độ trung bình [AVG] và thời gian thực hiện hành trình

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình A, lượng tiêu thụ nhiên liệu A, tốc độ trung bình A và thời gian thực hiện hành trình A (những thông số này dựa trên đồng hồ đo hành trình A) cùng một lúc, ấn và giữ nút **[SET]** trong khi màn hình hiển thị đồng hồ đo hành trình A.

Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình A



Lượng tiêu thụ nhiên liệu A



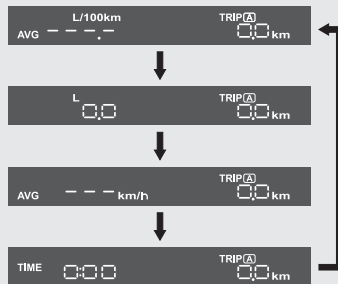
Tốc độ trung bình A



Thời gian thực hiện hành trình A



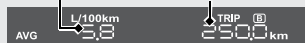
Khi được cài lại, màn hình cài đặt lại sẽ hiển thị ở mỗi chỉ số. Sau đó, màn hình hiển thị sẽ quay lại giá trị đã chọn gần nhất. Ngoài ra, đồng hồ đo hành trình A, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình, lượng tiêu thụ nhiên liệu, tốc độ trung bình và thời gian thực hiện hành trình sẽ tự động cài đặt lại khi bạn đổ xăng nhiều hơn lượng dự trữ và lái xe một đoạn 0,1 km (0,06 dặm). Có thể kích hoạt hoặc tắt chế độ cài đặt lại tự động bằng cách đổ xăng. ➡ T.35



Bảng thiết bị (Tiếp theo)

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình B, lượng tiêu thụ nhiên liệu B, tốc độ trung bình B và thời gian thực hiện hành trình B (những thông số này dựa trên đồng hồ đo hành trình B) cùng một lúc, ấn và giữ nút **SET** trong khi màn hình hiển thị đồng hồ đo hành trình B.

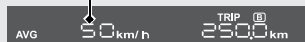
Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình B Đồng hồ đo hành trình B



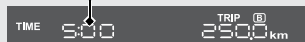
Lượng tiêu thụ nhiên liệu B



Tốc độ trung bình B



Thời gian thực hiện hành trình B



Khi được cài lại, màn hình cài đặt lại sẽ hiển thị ở mỗi giá trị. Sau đó, màn hình hiển thị sẽ quay lại giá trị đã chọn gần nhất.



Cài đặt màn hình hiển thị

Chế độ cài đặt A

Có thể thay đổi các mục sau theo tuần tự.

➡ T.32

- Cài đặt định dạng thời gian
- Cài đặt đồng hồ
- Điều chỉnh độ sáng đèn bảng thiết bị
- Kích hoạt/vô hiệu hóa chế độ cài đặt lại tự động đồng hồ đo hành trình A, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình, lượng tiêu thụ nhiên liệu, tốc độ trung bình và thời gian thực hiện hành trình
- Cài đặt đèn báo HISS
- Thay đổi đơn vị tốc độ và đo quãng đường
- Thay đổi đơn vị đồng hồ đo lượng tiêu hao nhiên liệu

Chế độ cài đặt B

Có thể thay đổi các mục sau theo tuần tự.

➡ T.37

- Cài đặt đèn báo REV
 - Cài đặt tốc độ động cơ RPM
 - Cài đặt khoảng tốc độ động cơ RPM
 - Điều chỉnh độ sáng
- Thay đổi chế độ hiển thị đồng hồ đo tốc độ động cơ

Bảng thiết bị (Tiếp theo)

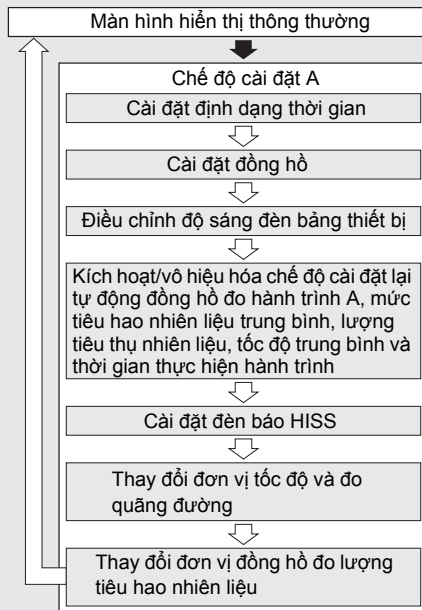
Chế độ cài đặt A

Nếu không ấn nút trong vòng 30 giây, chế độ cài đặt sẽ tự động chuyển đổi sang màn hình hiển thị thông thường.

Nếu không ấn nút trong vòng 30 giây, các mục đang cài đặt sẽ bị hủy và chỉ các mục đã cài đặt xong sẽ được áp dụng. Chỉ khi khóa điện được vận sang vị trí **O** (Off), các mục đang cài đặt và các mục đã hoàn thành sẽ được áp dụng.

➡ Ấn và giữ nút **SEL** và nút **SET**

➡ Ấn nút **SET**



1 Cài đặt định dạng thời gian:

Có thể chuyển định dạng thời gian giữa định dạng 12 giờ hoặc 24 giờ.

- 1 Vận khóa điện sang vị trí I (On).
- 2 Ấn và giữ nút **SEL** và nút **SET** cho tới khi định dạng thời gian hiện tại bắt đầu nhấp nháy.



- 3 Ấn nút **SEL** để chọn "12hr" hoặc "24hr".



- 4 Ấn nút **SET**. Định dạng thời gian được đặt, và sau đó màn hình chuyển sang cài đặt đồng hồ.

2 Cài đặt đồng hồ:

- 1 Ấn nút **SEL** cho tới khi hiển thị số giờ mong muốn.
▶ Ấn và giữ nút **SEL** để tăng nhanh số giờ.



- 2 Ấn nút **SET**. Số phút bắt đầu nhấp nháy.



Bảng thiết bị (Tiếp theo)

- ③ Ấn nút **SEL** cho đến khi số phút mong muốn hiển thị.

▶ Ấn và giữ nút **SEL** để tăng nhanh số phút.



- ④ Ấn nút **SET**. Đồng hồ đã được cài đặt, sau đó màn hình chuyển sang điều chỉnh độ sáng đèn bảng thiết bị.

3 Điều chỉnh độ sáng đèn bảng thiết bị:

Có thể điều chỉnh độ sáng theo một trong năm mức.

- ① Ấn nút **SEL**. Độ sáng thay đổi.

▶ Có thể điều chỉnh độ sáng theo một trong năm mức.



- ② Ấn nút **SET**. Đèn bảng thiết bị được cài đặt, và sau đó màn hình hiển thị chuyển sang kích hoạt/vô hiệu hóa chế độ cài đặt lại tự động đồng hồ đo hành trình A, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình, lượng tiêu thụ nhiên liệu, tốc độ trung bình và thời gian thực hiện hành trình.

4 Kích hoạt/vô hiệu hóa chế độ cài đặt lại tự động đồng hồ đo hành trình A, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình, lượng tiêu thụ nhiên liệu, tốc độ trung bình và thời gian thực hiện hành trình:

Bạn có thể kích hoạt hoặc vô hiệu hóa chế độ cài đặt lại tự động bằng cách đổ xăng sau khi vạch đầu tiên (E) của đồng hồ báo xăng bắt đầu nhấp nháy. Cài đặt ban đầu được kích hoạt.

- 1 Ấn nút **[SEL]** để chọn “**On**” (kích hoạt) hoặc “**OFF**” (tắt) trong chế độ cài đặt lại tự động.



- 2 Ấn nút **[SET]**. Kích hoạt/vô hiệu hóa chế độ cài đặt lại tự động đã được thiết lập, và sau đó màn hình hiển thị chuyển sang cài đặt đèn báo HISS (đèn báo HISS sáng).

5 Cài đặt đèn báo HISS:

- 1 Ấn nút **[SEL]** để chọn “**On**” (nhấp nháy) hoặc “**OFF**” (tắt) trong chế độ cài đặt HISS.



- 2 Ấn nút **[SET]**. Cài đặt đèn báo HISS được thiết lập, sau đó màn hình chuyển sang thay đổi đơn vị đo quãng đường và tốc độ.

Bảng thiết bị (Tiếp theo)

6 Thay đổi đơn vị tốc độ và đo quãng đường:

- 1 Ấn nút **[SEL]** để chọn “km/h” và “km” hoặc “mph” (dặm/giờ) và “mile” (dặm).



- 2 Ấn nút **[SET]**. Đơn vị đo quãng đường và tốc độ được cài đặt, sau đó màn hình chuyển sang thay đổi đơn vị đồng hồ đo lượng tiêu hao nhiên liệu.

7 Thay đổi đơn vị đồng hồ đo lượng tiêu hao nhiên liệu:

- 1 Khi chọn “km/h” cho tốc độ và “km” cho quãng đường.

Ấn nút **[SEL]** để chọn “L/100km” hoặc “km/L”.



Khi chọn “mph” (dặm/giờ) cho tốc độ và “mile” (dặm) cho quãng đường.

Ấn nút **[SEL]** để chọn “mile/L” (dặm/L) hoặc “mile/gal” (dặm/gal).

► Khi chọn “mile/gal” (dặm/gal), đơn vị đo lượng tiêu thụ nhiên liệu đổi sang “gal”.



- 2 Ấn nút **[SET]**. Đơn vị đồng hồ đo lượng tiêu hao nhiên liệu được cài đặt, và sau đó màn hình sẽ chuyển về màn hình thông thường.

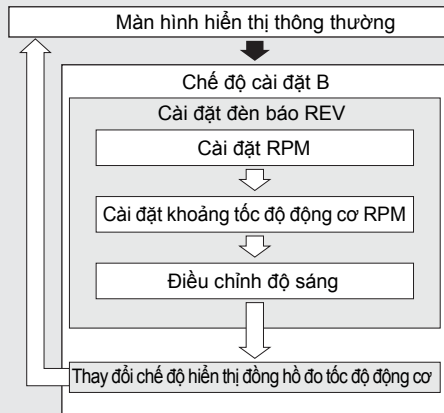
Chế độ cài đặt B

Nếu không ấn nút trong vòng 30 giây, chế độ cài đặt sẽ tự động chuyển đổi sang màn hình hiển thị thông thường.

Nếu không ấn nút trong vòng 30 giây, các mục đang cài đặt sẽ bị hủy và chỉ các mục đã cài đặt xong sẽ được áp dụng. Chỉ khi khóa điện được vận sang vị trí **○** (Off), các mục đang cài đặt và các mục đã hoàn thành sẽ được áp dụng.

➡ Ấn và giữ nút **SEL** và khóa điện sang vị trí **I** (On) cho tới khi không còn thông tin ban đầu.

➡ Ấn nút **SET**



Bảng thiết bị (Tiếp theo)

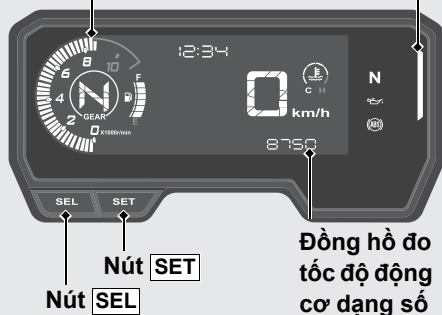
1 Cài đặt đèn báo REV:

Có thể thay đổi cài đặt đèn báo REV.

Đèn báo REV nhấp nháy khi đang cài đặt.

Đồng hồ đo tốc độ
động cơ

Đèn báo REV



- Để thay đổi chế độ cài đặt B, vặn khóa điện sang vị trí **I** (On) trong khi ấn nút **SEL** cho tới khi dừng hiển thị thông tin ban đầu. Màn hình hiển thị chuyển sang cài đặt "khoảng tốc độ động cơ RPM đèn báo REV nhấp nháy nhanh nhất". Cùng lúc, đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số và vạch nhấp nháy hiển thị cài đặt hiện tại của "khoảng tốc độ động cơ RPM đèn báo REV nhấp nháy nhanh nhất".

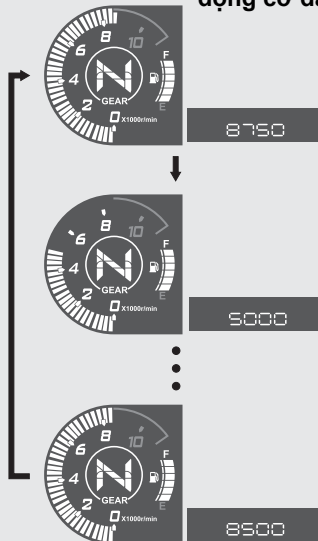
► Vạch đồng hồ đo tốc độ động cơ chỉ nhấp nháy trong khi cài đặt đèn báo REV.

- ② Mỗi lần ấn nút **[SEL]**, giá trị cài đặt "khoảng tốc độ động cơ RPM đèn báo REV nhấp nháy nhanh nhất" sẽ tăng một vạch (250 vòng/phút (rpm)). Khi giá trị cài đặt "khoảng tốc độ động cơ RPM đèn báo REV nhấp nháy nhanh nhất" vượt quá 8.750 vòng/phút (rpm), giá trị cài đặt "khoảng tốc độ động cơ RPM đèn báo REV nhấp nháy nhanh nhất" tự động trở về 5.000 vòng/phút (rpm).

- Ấn và giữ nút **[SEL]** để tăng nhanh giá trị cài đặt "khoảng tốc độ động cơ RPM đèn báo REV nhấp nháy nhanh nhất".

Khoảng cài đặt cho phép
5.000 vòng/phút (rpm) tới 8.750 vòng/phút (rpm)

Đồng hồ đo tốc độ
động cơ



Đồng hồ đo tốc độ
động cơ dạng số

Bảng thiết bị (Tiếp theo)

- ③ Ấn nút **SET**. "Khoảng tốc độ động cơ RPM đèn báo REV nhấp nháy nhanh nhất" được cài đặt, sau đó màn hình chuyển sang cài đặt "khoảng tốc độ động cơ RPM đèn báo REV nhấp nháy".
Cùng lúc, đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số cho biết "khoảng tốc độ động cơ RPM đèn báo REV nhấp nháy" hiện tại và phần vạch nhấp nháy cho biết cài đặt hiện tại của "khoảng tốc độ động cơ RPM đèn báo REV nhấp nháy nhanh nhất".

- ④ Mỗi lần ấn nút **SEL**, số "Khoảng tốc độ động cơ RPM đèn báo REV nhấp nháy" tăng như sau: 250 vòng/phút (rpm), 500 vòng/phút (rpm), 750 vòng/phút (rpm), 1.000 vòng/phút (rpm) và 0 vòng/phút (rpm).

Đồng hồ đo tốc độ động cơ



Đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số



Ví dụ: Khoảng tốc độ động cơ RPM đèn báo REV nhấp nháy nhanh nhất: 8.750 (vòng/phút) (rpm)
 Khoảng tốc độ động cơ RPM đèn báo REV nhấp nháy: 250 (vòng/phút) (rpm)

Đèn báo REV	(vòng/phút) (rpm)
Nhấp nháy	8.250 (vòng/phút) (rpm)
Nhấp nháy nhanh	8.500 (vòng/phút) (rpm)
Nhấp nháy nhanh nhất	8.750 (vòng/phút) (rpm)

Nếu "Khoảng tốc độ động cơ RPM đèn báo REV nhấp nháy" là 0, đèn báo REV nhấp nháy khi đạt giá trị cài đặt "khoảng tốc độ động cơ RPM đèn báo REV nhấp nháy nhanh nhất".

5. Ấn nút **SET**. "Khoảng tốc độ động cơ RPM đèn báo REV nhấp nháy" được cài đặt, sau đó màn hình chuyển sang điều chỉnh độ sáng của đèn báo REV. Đèn báo REV chuyển từ nhấp nháy sang sáng.

6. Ấn nút **SEL**. Độ sáng được thay đổi.
 ► Có thể điều chỉnh độ sáng theo một trong năm mức.



7. Ấn nút **SET**. Độ sáng đèn báo REV được cài đặt, và sau đó màn hình chuyển sang cài đặt màn hình hiển thị của đồng hồ đo tốc độ động cơ.

Bảng thiết bị (Tiếp theo)

2 Thay đổi chế độ hiển thị đồng hồ đo tốc độ động cơ:

Có thể thay đổi chế độ hiển thị của đồng hồ đo tốc độ động cơ.

- 1 Ấn nút **[SEL]** để chuyển đổi chế độ hiển thị của đồng hồ đo tốc độ động cơ.
- 2 Ấn nút **[SET]**. Chế độ hiển thị đã chọn hiện tại được cài đặt, và màn hình hiển thị trở về màn hình hiển thị thông thường.

Màn hình hiển thị thông thường

Cho biết số vòng quay động cơ/phút trên vạch đồng hồ đo tốc độ động cơ.

Màn hình hiển thị giá trị cao nhất

Cho biết số vòng quay động cơ/phút trên vạch đồng hồ đo tốc độ động cơ và vạch giá trị cao nhất.

Màn hình hiển thị thông thường



Màn hình hiển thị giá trị cao nhất



Vạch đồng hồ đo tốc độ động cơ

Vạch giá trị cao nhất

Vạch giá trị cao nhất duy trì hiển thị số vòng quay tốc độ động cơ/phút tối đa tạm thời.

Ví dụ: Số vòng quay động cơ/phút là 8.750 vòng/phút (rpm)

Màn hình hiển thị thông thường



Vạch đồng hồ đo tốc độ động cơ

Màn hình hiển thị giá trị cao nhất



Vạch giá trị cao nhất

Các đèn báo

Nếu có một đèn báo nào không sáng như chức năng, hãy đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.



⇐ Đèn báo rẽ trái

⇒ Đèn báo rẽ phải

Đèn báo REV ➡ T.48

☰ Đèn báo pha

⚙️ Đèn báo lỗi PGM-FI (phun xăng điện tử) (MIL)

Sáng trong giây lát khi vặn khóa điện sang vị trí **I** (On) với công tắc ngắt động cơ ở vị trí **Q** (Run).

Loại U

Nếu đèn sáng khi động cơ đang hoạt động: ➡ T.103

Loại ED, KO

Nếu đèn sáng hoặc nhấp nháy khi động cơ đang hoạt động: ➡ T.103

N Đèn báo Không số

Sáng khi xe ở chế độ Không số.

Các đèn báo (Tiếp theo)



Đèn báo áp suất dầu thấp

- Sáng khi vặn khóa điện sang vị trí I (On).
- Tắt khi động cơ khởi động.

Nếu đèn sáng khi động cơ đang hoạt động: ➡ T.102

Đèn báo HISS ➡ T.35

- Sáng trong giây lát khi vặn khóa điện sang vị trí I (On).
- Nháy 2 giây một lần trong 24 giờ sau khi vặn khóa điện sang vị trí O (Off).

Đèn báo ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh)

- Sáng trong giây lát khi vặn khóa điện sang vị trí I (On).
- Tắt khi xe đạt tốc độ khoảng 10 km/h (6 dặm/giờ).

Nếu đèn này sáng trong khi lái xe: ➡ T.104

Các đèn báo *(Tiếp theo)*

Đèn báo REV

- Sáng trong giây lát khi vặn khóa điện sang vị trí I (On).

Cài đặt ban đầu

Khoảng tốc độ động cơ RPM đèn báo REV nhấp nháy nhanh nhất: 8.750 (vòng/phút) (rpm)

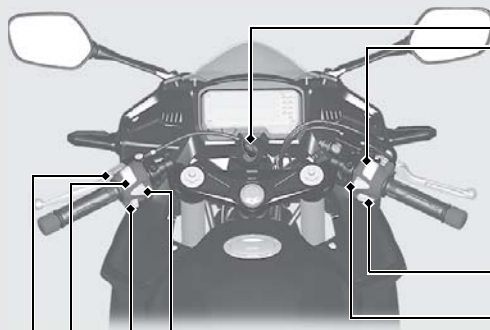
Khoảng tốc độ động cơ RPM đèn báo REV nhấp nháy: 250 (vòng/phút) (rpm)

Đèn báo REV	Tốc độ động cơ (vòng/phút) (rpm)
Nhấp nháy	8.250 (vòng/phút) (rpm)
Nhấp nháy nhanh	8.500 (vòng/phút) (rpm)
Nhấp nháy nhanh nhất	8.750 (vòng/phút) (rpm)

Để thiết lập cài đặt tốc độ động cơ lên số: ➡ T.38

Để thiết lập cài đặt khoảng lên số: ➡ T.40

Các công tắc



Công tắc ngắt động cơ

Thông thường, công tắc nên ở vị trí  (Run).

► Trong trường hợp khẩn cấp, chuyển sang vị trí  (Stop) (mô tơ đề sẽ không hoạt động) để ngắt động cơ.

Nút đề

Công tắc cảnh báo nguy hiểm

Có thể bật được khi khóa điện ở vị trí  (On).

Nút còi

Công tắc báo rẽ

► Ấn vào công tắc để tắt báo rẽ.

Công tắc đèn pha/cốt

-  : Chế độ chiếu xa
-  : Chế độ chiếu gần

PASS Công tắc điều khiển đèn xin vượt

Nhấp nháy đèn pha ở chế độ chiếu xa.

⏻ Khóa điện

Bật/tắt hệ thống điện, khóa cổ lái.

- Có thể rút chìa khóa khi khóa điện ở vị trí ○ (Off) hoặc 🔒 (Lock).

I (On)

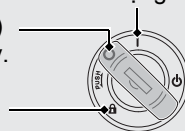
Kích hoạt hệ thống điện để khởi động/lái xe.

○ (Off)

Tắt máy.

🔒 (Lock)

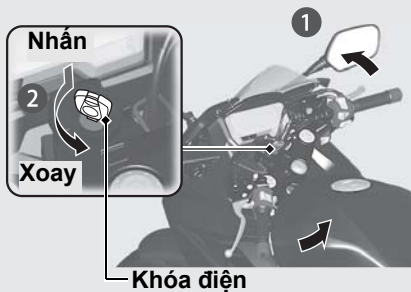
Khóa cổ lái.



Các công tắc (Tiếp theo)

Khóa cổ lái

Nên khóa cổ lái khi dừng xe để chống trộm.
Nên sử dụng khóa hình chữ U hoặc loại tương tự để khóa bánh xe.



Khóa

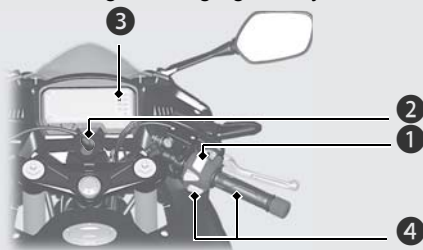
- ① Xoay hết tay lái sang trái.
- ② Nhấn chìa khóa xuống, vặn khóa điện sang vị trí  (Lock).
▶ Lắc nhẹ tay lái nếu thấy khó khóa.
- ③ Rút chìa khóa.

Mở khóa

Cắm chìa khóa vào, nhấn vào và vặn khóa điện sang vị trí  (Off).

Khởi động động cơ

Khởi động động cơ theo quy trình sau đây bất kể động cơ đang nguội hay ấm.



LƯU Ý

- Nếu động cơ không khởi động trong vòng 5 giây, hãy vận khóa điện sang vị trí **O** (Off) và đợi 10 giây trước khi khởi động lại động cơ để phục hồi điện áp bình điện.
- Để xe nổ cầm chừng quá lâu hoặc vận ga liên tục có thể làm hỏng động cơ và hệ thống xả.
- Vận ga hoặc nổ động cơ cầm chừng trong hơn 5 phút có thể gây biến màu ống xả.
- Động cơ sẽ không khởi động nếu mở ga hoàn toàn.

- ➊ Kiểm tra chắc chắn công tắc ngắt động cơ đã ở vị trí **O** (Run).
- ➋ Vận khóa điện sang vị trí **I** (On).
- ➌ Về số Không (đèn báo **N** sáng). Hoặc bóp tay côn để khởi động khi xe đang vào số và chân chống nghiêng đã được gạt lên.
- ➍ Ấn nút đề khi ga đã đóng hoàn toàn.

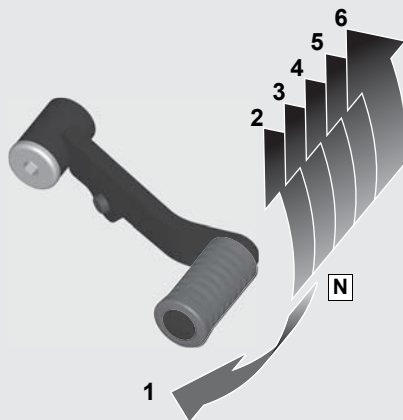
Nếu động cơ không khởi động:

- ➊ Mở hết ga và ấn nút đề khoảng 5 giây.
- ➋ Lặp lại quy trình khởi động như bình thường.
- ➌ Nếu động cơ khởi động nhưng tốc độ cầm chừng không ổn định, mở ga nhẹ nhàng.
- ➍ Nếu động cơ không khởi động, đợi 10 giây trước khi thử lại các bước ➊ & ➋.

➤ **Nếu động cơ không khởi động** ➡ T.100

Quy trình sang số

Hộp số xe có 6 số tiến theo kiểu 1 số xuống, 5 số lên.



Nếu vào số khi gạt chân chống nghiêng xuống, động cơ sẽ tắt.

Tín hiệu dừng khẩn cấp

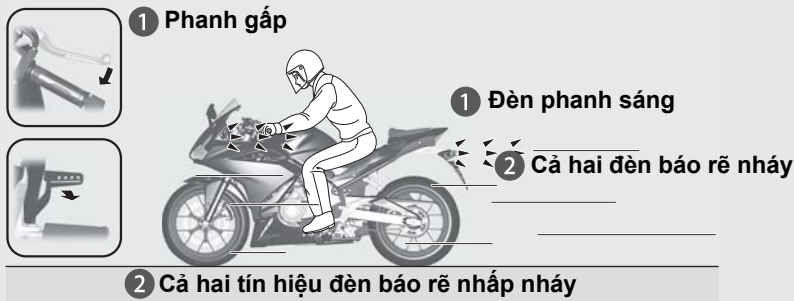
Tín hiệu dừng khẩn cấp kích hoạt khi hệ thống phát hiện phanh gấp ở tốc độ khoảng 50 km/h (31 dặm/giờ) hoặc cao hơn để cảnh báo các phương tiện phía sau về việc phanh đột ngột bằng cách nhấp nháy nhanh cả hai đèn báo rẽ. Điều này giúp cảnh báo các phương tiện phía sau có biện

pháp xử lý thích hợp để tránh va chạm với xe của bạn.

Tín hiệu dừng khẩn cấp ngừng hoạt động khi:

- Nhả phanh.
- Tắt kích hoạt ABS.
- Tốc độ giảm tốc của xe ở mức trung bình.
- Ấn công tắc cảnh báo nguy hiểm.

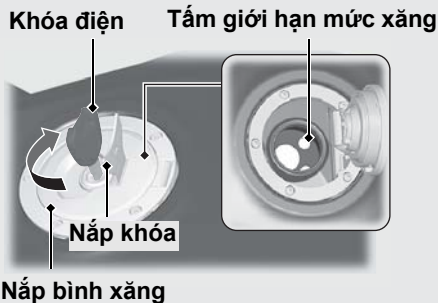
Khi hệ thống kích hoạt:



Tín hiệu dừng khẩn cấp *(Tiếp theo)*

- ▶ Tín hiệu dừng khẩn cấp không phải là hệ thống có thể ngăn chặn va chạm phía sau do phanh gấp. Chúng tôi luôn khuyến cáo tránh phanh gấp trừ trường hợp thật sự cần thiết.
- ▶ Tín hiệu dừng khẩn cấp không hoạt động khi ấn công tắc cảnh báo nguy hiểm.
- ▶ Nếu ABS dừng hoạt động trong khoảng thời gian nhất định trong khi phanh, tín hiệu dừng khẩn cấp có thể không hoạt động được.

Đổ xăng



Không đổ xăng vượt quá tầm giới hạn mức xăng.

Loại xăng: Chỉ sử dụng loại xăng không chì

Chỉ số ốctan: Xe này được thiết kế sử dụng xăng có chỉ số ốctan (RON) là 91 hoặc cao hơn.

Dung tích bình xăng: 17,1 L (4.52 US gal, 3.76 Imp gal)

Hướng dẫn lựa chọn loại xăng và đổ xăng ➡ T.14

Mở nắp bình xăng

Mở nắp khóa, tra chìa khóa điện, và vặn theo chiều kim đồng hồ để mở nắp.

Đóng nắp bình xăng

- 1 Sau khi đổ xăng, nhấn nắp bình xăng cho tới khi nắp được khóa lại.
- 2 Lấy chìa khóa và đóng nắp khóa.
 - ▶ Không thể lấy chìa khóa ra nếu nắp bình xăng chưa khóa.

⚠ CẢNH BÁO

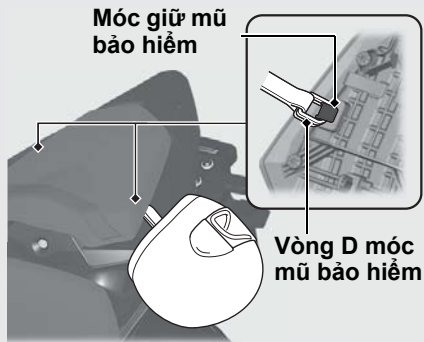
Xăng là chất dễ cháy nổ. Bạn có thể bị bỏng hoặc thương tích nghiêm trọng khi xử lý xăng.

- Tắt máy và để động cơ tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa và đám cháy.
- Xử lý xăng ở ngoài trời.
- Lau sạch chỗ xăng tràn ngay lập tức.

Hộp đựng đồ

Móc giữ mũ bảo hiểm

Móc giữ mũ bảo hiểm nằm dưới yên sau.



- Chỉ sử dụng móc giữ mũ bảo hiểm khi dựng xe.

Tháo yên sau ➡ T.81

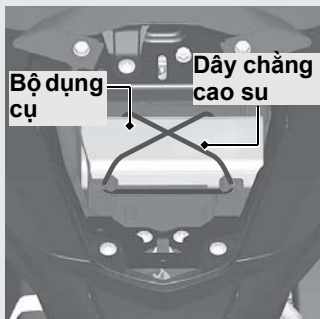
⚠ CẢNH BÁO

Lái xe vẫn còn mũ bảo hiểm ở móc có thể ảnh hưởng không tốt tới bánh sau và giảm xóc sau, cũng có thể gây tai nạn nghiêm trọng hoặc tử vong.

Chỉ sử dụng móc giữ mũ bảo hiểm khi dựng xe. Không lái xe mà vẫn để mũ bảo hiểm ở móc.

Bộ dụng cụ

Bộ dụng cụ nằm dưới yên sau.

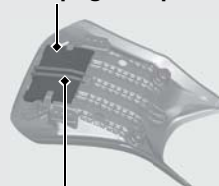


Tháo yên sau ➡ T.81

Túi đựng tài liệu

Túi đựng tài liệu nằm dưới yên trước.

Túi đựng tài liệu



Dây chằng cao su

Tháo yên trước ➡ T.80

Hộp đựng đồ (Tiếp theo)

Móc treo hành lý

Móc treo hành lý nằm dưới yên sau.



Không sử dụng móc treo hành lý để kéo hoặc nâng xe.

Tháo yên sau ➡ T.81

Bảo dưỡng

Vui lòng đọc kỹ phần "Tầm quan trọng của việc bảo dưỡng" và "Nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản" trước khi thực hiện công việc bảo dưỡng. Tham khảo phần "Thông số kỹ thuật" về dữ liệu sửa chữa.

Tầm quan trọng của việc bảo dưỡng	T. 62
Lịch bảo dưỡng	T. 63
Nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản	T. 66
Dụng cụ	T. 77
Tháo & lắp các bộ phận thân xe	T. 78
Bình điện	T. 78
Kẹp	T. 79
Yên trước	T. 80
Yên sau	T. 81
Óp cạnh trái	T. 82
Dầu động cơ	T. 83
Dung dịch làm mát	T. 85
Phanh	T. 87
Chân chống nghiêng	T. 90

Xích tải	T. 91
Côn/Ly hợp	T. 92
Tay ga	T. 95
Các điều chỉnh khác	T. 96
Điều chỉnh tay phanh	T. 96
Điều chỉnh giảm xóc trước	T. 97
Điều chỉnh giảm xóc sau	T. 98

Tầm quan trọng của việc bảo dưỡng

Tầm quan trọng của việc bảo dưỡng

Bảo dưỡng xe đúng cách là điều kiện thiết yếu để đảm bảo cho sự an toàn của bạn, giúp tiết kiệm chi phí sửa chữa xe, giúp xe đạt được tính năng hoạt động tốt nhất, tránh xảy ra hỏng hóc và giảm lượng ô nhiễm không khí. Bảo dưỡng xe là trách nhiệm của người sử dụng. Chắc chắn phải kiểm tra xe trước khi lái và thực hiện kiểm tra xe định kỳ theo đúng lịch bảo dưỡng. ➡ T. 63

CẢNH BÁO

Bảo dưỡng xe không đúng cách hoặc không khắc phục lỗi trước khi lái có thể dẫn đến tai nạn gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Luôn thực hiện theo những hướng dẫn về lịch kiểm tra và bảo dưỡng xe trong tài liệu Hướng dẫn sử dụng này.

An toàn bảo dưỡng

Luôn đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi thực hiện công việc bảo dưỡng và chắc chắn bạn có đủ dụng cụ, phụ tùng thay thế và có kỹ năng sửa chữa cần thiết.

Chúng tôi không thể cảnh báo hết cho bạn tất cả những mối nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình bảo dưỡng. Chỉ bạn mới có thể quyết định được liệu bạn có nên thực hiện mục bảo dưỡng đó hay không.

Làm theo những hướng dẫn sau mỗi khi thực hiện công việc bảo dưỡng.

- Tắt máy và rút chìa khóa ra.
- Dựng xe trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn bằng chân chống nghiêng, hoặc dựng xe trên chân đỡ bảo dưỡng chắc chắn.
- Hãy để động cơ, ống xả, phanh và các chi tiết nhiệt độ cao khác nguội hẳn trước khi sửa chữa để tránh bị bỏng.
- Chỉ nỗ lực khi được hướng dẫn và nỗ lực ở nơi thông thoáng.

Lịch bảo dưỡng đưa ra những yêu cầu bảo dưỡng cần thiết để đảm bảo an toàn cho người sử dụng, giúp cho xe đạt được tính năng hoạt động đáng tin cậy và kiểm soát khí xả hợp lý.

Bảo dưỡng phải tuân theo đúng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật của Honda đưa ra, phải được thực hiện bởi những kỹ thuật viên được đào tạo và được trang bị các dụng cụ sửa chữa cần thiết. Cửa hàng xe phân khối lớn Honda là nơi có thể đáp ứng được tất cả các yêu cầu trên. Nên lưu giữ lại tất cả các phiếu bảo dưỡng để đảm bảo chiếc xe của bạn được bảo dưỡng đầy đủ, đúng cách.

Kiểm tra xem người thực hiện công việc bảo dưỡng xe cho bạn có ghi đầy đủ thông tin vào tờ phiếu bảo dưỡng hay không.

Tất cả các công đoạn bảo dưỡng định kỳ sẽ được tính là chi phí vận hành thông thường của chủ xe và bạn cần trả chi phí này cho Cửa hàng xe phân khối lớn Honda. Hãy giữ lại tất cả các phiếu này. Nếu bán xe, nên chuyển giao những phiếu này cho chủ xe mới.

Honda khuyến cáo Cửa hàng xe phân khối lớn Honda nên chạy thử xe cho bạn sau mỗi lần kiểm tra bảo dưỡng định kỳ.

Lịch bảo dưỡng

Mục bảo dưỡng		Kiểm tra xe trước khi lái T. 66	Tần suất *1								Kiểm tra hàng năm	Thay thế định kỳ	Tham khảo trang
			× 1.000 km	1	6	12	18	24	30	36			
			× 1.000 dặm	0,6	4	8	12	16	20	24			
Đường ống xăng						K		K		K	K		-
Mức xăng		K											57
Hoạt động của tay ga		K				K		K		K	K		95
Lọc gió *2							T			T			-
Thông hơi vách máy *3					V	V	V	V	V	V			-
Bugì						K		T		K			-
Khe hở xu páp								K					-
Dầu động cơ		K		T	T	T	T	T	T	T	T		-
Lọc dầu động cơ				T		T		T		T			-
Tốc độ cảm chừng động cơ						K		K		K	K		-
Dung dịch làm mát *4		K				K		K		K	K	3 năm	85
Hệ thống làm mát						K		K		K	K		-
Hệ thống cấp khí phụ								K					-
Hệ thống kiểm soát khí xả *5								K					-

Mức độ bảo dưỡng

-  : Trung bình. Chúng tôi khuyên bạn nên để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda sửa chữa xe giúp bạn nếu bạn không có đủ dụng cụ và kỹ năng cơ khí cần thiết.
Quy trình này được cung cấp trong cuốn Hướng dẫn bảo trì chính thức của Honda.
-  : Kỹ thuật. Vì sự an toàn của bạn, bạn nên để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda sửa chữa xe cho bạn.

Chú thích về bảo dưỡng

- K** : Kiểm tra (vệ sinh, điều chỉnh, bôi trơn hoặc thay thế nếu cần)
- B** : Bôi trơn
- T** : Thay thế
- V** : Vệ sinh

Mục bảo dưỡng	Kiểm tra xe trước khi lái T. 66	Tần suất *1								Kiểm tra hàng năm	Thay thế định kỳ	Tham khảo trang
		× 1.000 km	1	6	12	18	24	30	36			
		× 1.000 dặm	0,6	4	8	12	16	20	24			
Xích tải	K			Mỗi 1.000 km (600 dặm): K B								91
Đệm đỡ xích tải					K		K		K			-
Dầu phanh *4	K			K	K	K	K	K	K	K	2 năm	87
Mòn má phanh	K			K	K	K	K	K	K	K		88
Hệ thống phanh					K		K		K	K		66
Công tắc đèn phanh					K		K		K	K		89
Điểm rọi đèn pha					K		K		K	K		-
Đèn/còi	K											-
Công tắc ngắt động cơ	K											-
Hệ thống côn	K			K	K	K	K	K	K	K		92
Chân chống nghiêng	K				K		K		K	K		90
Giảm xóc					K		K		K	K		-
Ốc, bu lông, chốt					K		K		K	K		-
Bánh xe/lốp xe	 K				K		K		K	K		74
Vòng bi cổ lái					K		K		K	K		-

Lưu ý:

*1 : Với quãng đường đi được nhiều hơn trên công tơ mét thì lặp lại chu kỳ bảo dưỡng như trên.

*2 : Phải bảo dưỡng thường xuyên hơn khi xe chạy trong những khu vực ẩm ướt hoặc bụi bẩn.

*3 : Bảo dưỡng thường xuyên hơn khi lái xe dưới mưa hoặc kéo hết ga.

*4 : Việc thay mới đòi hỏi phải có kỹ năng về sửa chữa.

*5 : Chỉ loại ED, KO

Kiểm tra xe trước khi lái

Để đảm bảo an toàn, trách nhiệm của bạn là phải thực hiện kiểm tra xe trước khi lái và chắc chắn không còn trục trặc nào trước khi lái xe. Kiểm tra xe trước khi lái là việc làm bắt buộc vì sự an toàn của bạn bởi vì chỉ một hỏng hóc nhỏ nào đó ví dụ như lốp xì hơi cũng có thể gây phiền toái rất lớn cho bạn.

Kiểm tra các mục sau đây trước khi lên xe:

- Mức xăng - Đổ xăng vào bình nếu cần. ➡ T. 57
- Tay ga - Kiểm tra chắc chắn tay ga hoạt động êm ở mọi vị trí của cổ lái, cả khi mở ga và trả ga hoàn toàn. ➡ T. 95
- Mức dầu động cơ - Đổ thêm dầu động cơ nếu cần. Kiểm tra xem có rò rỉ không. ➡ T. 83
- Mức dung dịch làm mát - đổ thêm dung dịch làm mát nếu cần. Kiểm tra xem có rò rỉ không. ➡ T. 85

- Xích tải - Kiểm tra tình trạng và độ chùng xích tải, điều chỉnh và bôi trơn nếu cần. ➡ T. 91
- Phanh - Kiểm tra hoạt động của phanh; Phanh trước và phanh sau: kiểm tra mức dầu phanh và độ mòn má phanh. ➡ T. 87, ➡ T. 88
- Đèn và còi - Kiểm tra đèn, đèn báo và còi xem có hoạt động đúng chức năng không.
- Công tắc ngắt động cơ - Kiểm tra xem có hoạt động đúng chức năng không. ➡ T. 50
- Côn - Kiểm tra hoạt động của côn; Điều chỉnh hành trình tự do nếu cần. ➡ T. 92
- Hệ thống tắt máy bằng chân chống nghiêng - Kiểm tra xem có hoạt động đúng chức năng không. ➡ T. 90
- Bánh xe và lốp xe - Kiểm tra tình trạng, áp suất lốp và điều chỉnh nếu cần. ➡ T. 74
- Kiểm tra chắc chắn không để các vật liệu dễ cháy mắc vào bên trong xe hoặc khu vực ổ ổng xả.

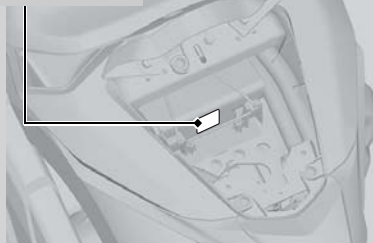
Thay thế phụ tùng

Luôn sử dụng phụ tùng chính hãng của Honda hoặc loại tương đương để đảm bảo an toàn và độ bền của xe.

Khi đặt mua các linh kiện có màu, hãy chỉ rõ tên xe, màu sắc và mã được liệt kê trong nhãn màu.

Nhãn màu được dán vào chắn bùn sau phía dưới yên sau.  T. 81

Nhãn màu



CẢNH BÁO

Lắp phụ tùng không chính hãng Honda có thể gây mất an toàn cho xe và gây tai nạn làm thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Luôn sử dụng phụ tùng chính hãng của Honda hoặc loại tương đương được thiết kế và áp dụng cho chiếc xe này.

Bình điện

Chiếc xe này sử dụng loại bình điện không cần bảo dưỡng. Không cần kiểm tra mức dung dịch điện phân hoặc đổ thêm nước cất. Vệ sinh các cực bình điện nếu chúng bị bẩn hoặc mòn điện cực.

Không được tháo dải chần nắp bình điện ra. Không cần tháo nắp bình điện khi sạc.

LƯU Ý

Bình điện của loại xe này thuộc loại không cần bảo dưỡng và có thể hỏng nếu tháo dải chần nắp bình điện.



Biểu tượng này trên bình điện nghĩa là không được thải bỏ sản phẩm như rác thải sinh hoạt.

LƯU Ý

Thải bỏ bình điện không đúng cách có thể gây hại cho môi trường và sức khỏe con người.

Luôn tuân theo quy định của địa phương về hướng dẫn thải bỏ bình điện đúng cách.

Hành động trong trường hợp khẩn cấp

Nếu xảy ra bất kỳ điều gì dưới đây, ngay lập tức đi khám bác sĩ.

- Dung dịch điện phân bắn vào mắt:
 - ▶ Rửa mắt nhiều lần bằng nước mát trong ít nhất 15 phút. Dùng nước với áp lực có thể làm tổn thương mắt.
- Dung dịch điện phân bắn lên da:
 - ▶ Cởi bỏ quần áo dính dung dịch và rửa sạch vùng da bằng nước.
- Dung dịch điện phân bắn vào miệng:
 - ▶ súc miệng bằng nước và không được nuốt.



CẢNH BÁO

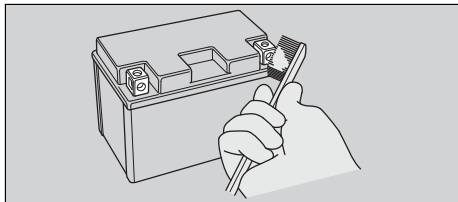
Ở điều kiện hoạt động bình thường bình điện tạo ra khí Hydro có thể gây nổ.

Tia lửa hay nguồn lửa có thể khiến bình điện phát nổ với lực đủ để có thể làm tổn thương hoặc gây nguy hiểm đến tính mạng của bạn.

Nên để thợ có tay nghề thực hiện công việc bảo dưỡng bình điện này. Người thực hiện công việc bảo dưỡng cần mặc đồ bảo hộ và đeo kính bảo hộ.

▮ Vệ sinh các cực bình điện

1. Tháo bình điện. ➡ T. 78
2. Nếu các cực bình điện có dấu hiệu bị mòn và bị bám muối trắng, hãy rửa bằng nước ấm và lau sạch.
3. Nếu các cực bình điện bị mòn quá mức, hãy vệ sinh và đánh bóng các điện cực bằng bàn chải sợi thép hoặc giấy nhám. Đeo kính bảo hộ.



4. Sau khi vệ sinh, lắp lại bình điện.

Bình điện có tuổi thọ giới hạn. Tham khảo ý kiến của Cửa hàng xe phân khối lớn Honda khi cần thay thế bình điện. Luôn thay thế bình điện cùng loại với bình điện cũ.

LƯU Ý

Lắp phụ kiện điện không chính hãng Honda có thể gây quá tải hệ thống điện, làm tiêu hao điện áp và có thể gây hư hỏng hệ thống.

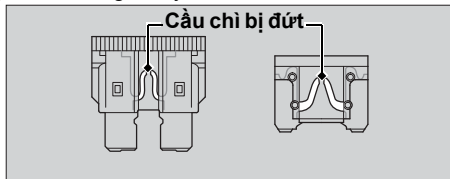
Cầu chì

Cầu chì dùng để bảo vệ mạch điện trên xe. Nếu một chi tiết điện nào trên xe không hoạt động, hãy kiểm tra và thay thế cầu chì bị hỏng.

➡ T. 110

■ Kiểm tra và thay thế cầu chì

Vặn khóa điện sang vị trí **O** (Off) để tháo và kiểm tra cầu chì. Nếu cầu chì bị đứt, hãy thay cầu chì có cùng thông số với cầu chì cũ. Để biết thông số của cầu chì, hãy tham khảo phần "Thông số kỹ thuật." ➡ T. 129



LƯU Ý

Thay thế cầu chì có thông số cao hơn có thể làm tăng khả năng hư hỏng hệ thống điện.

Nếu cầu chì liên tục bị hỏng, có khả năng hệ thống điện bị trục trặc. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Dầu động cơ

Mức độ tiêu hao dầu động cơ là khác nhau và chất lượng dầu giảm tùy theo thời gian sử dụng và điều kiện lái xe.

Kiểm tra mức dầu động cơ đều đặn và đổ thêm dầu khuyến dùng vào nếu cần. Dầu cũ hoặc bẩn cần được thay càng sớm càng tốt.

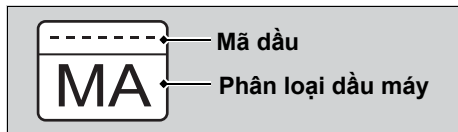
■ Lựa chọn dầu động cơ

Để biết dầu động cơ khuyến dùng, hãy tham khảo phần "Thông số kỹ thuật." ➡ T. 128

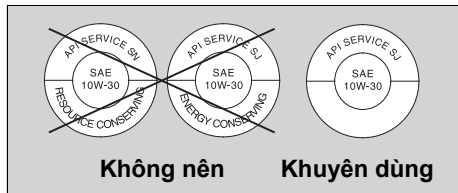
Nếu sử dụng dầu động cơ không chính hãng Honda, hãy kiểm tra nhãn hiệu dầu để chắc chắn đạt tất cả các tiêu chí sau:

- Tiêu chuẩn JASO T 903*1: MA
- Tiêu chuẩn SAE*2: 10W-30
- Phân loại API*3: SG hoặc cao hơn

- *1. Tiêu chuẩn JASO T 903 là một chỉ số dùng để chọn dầu động cơ cho động cơ xe máy 4 kỳ. Gồm có hai loại: MA và MB. Ví dụ: nhãn sau để nhận biết loại dầu MA.



- *2. Tiêu chuẩn SAE phân loại dầu theo độ nhớt.
 *3. Phân loại API quy định chất lượng và tính năng hoạt động của dầu động cơ. Sử dụng dầu SG hoặc cao hơn ngoại trừ loại có dòng chữ "Energy Conserving" hoặc "Resource Conserving" ở vòng ngoài của nhãn API.



Dầu phanh

Không tự đổ thêm hoặc thay thế dầu phanh, ngoại trừ trường hợp khẩn cấp. Chỉ sử dụng dầu phanh sạch đựng trong bình kín. Nếu lỡ đổ thêm dầu phanh, hãy đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra, sửa chữa ngay khi có thể.

LƯU Ý

Dầu phanh có thể phá hủy các bề mặt sơn và nhựa. Lau sạch chỗ dầu phanh tràn ngay lập tức và rửa sạch sẽ.

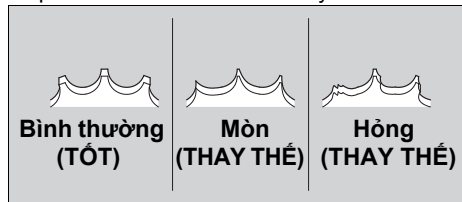
Dầu phanh khuyến dùng:

Dầu phanh Honda DOT 4 hoặc loại tương đương

Xích tải

Xích tải phải được kiểm tra và bôi trơn đều đặn. Kiểm tra xích tải thường xuyên hơn nếu lái xe trên đường xấu, lái xe với tốc độ cao hoặc khi tăng tốc liên tục.  T. 91
 Nếu xích tải không di chuyển êm, gây ra tiếng ồn, bị hỏng con lăn, lỏng chốt nối, thiếu phốt O, hoặc bị xoắn, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đồng thời hãy kiểm tra nhông dẫn động và nhông bị động. Nếu một trong hai bị mòn hoặc hỏng răng nhông, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để thay thế.



LƯU Ý

Sử dụng xích tải mới cùng với nhông đã mòn sẽ khiến xích nhanh bị mòn.

Vệ sinh và bôi trơn xích tải

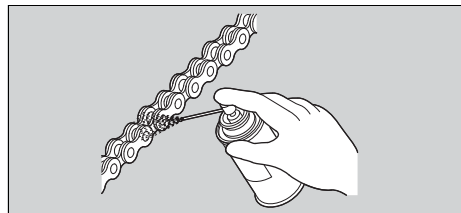
Sau khi kiểm tra độ chùng xích, hãy vệ sinh xích tải và nhông tải đồng thời quay bánh sau. Dùng vải mềm thấm chất tẩy rửa được thiết kế riêng cho xích phốt O hoặc chất tẩy rửa trung tính. Sử dụng bàn chải sợi mềm để vệ sinh xích nếu xích bị bẩn.

Sau khi vệ sinh, lau khô và bôi trơn bằng dầu bôi trơn khuyến dùng.

Dầu bôi trơn khuyến dùng:

Dầu bôi trơn xích tải được thiết kế riêng cho xích phốt O

Nếu không có sẵn dầu bôi trơn xích tải, hãy sử dụng dầu hộp số SAE 80 hoặc 90.



Không dùng thiết bị vệ sinh dạng hơi, thiết bị vệ sinh cao áp, bàn chải kim loại, dung môi dễ bay hơi như xăng và benzen, chất tẩy rửa có tính ăn mòn, chất tẩy rửa xích tải hoặc dầu bôi trơn KHÔNG được thiết kế đặc biệt dành cho xích phốt O vì có thể làm hỏng phốt O cao su.

Tránh để dầu bôi trơn bám vào phanh hoặc lốp xe. Tránh bôi dầu bôi trơn quá nhiều vào xích để không bị bắn vào quần áo và xe máy.

Dung dịch làm mát khuyến dùng

Dung dịch làm mát Pro Honda HP là loại dung dịch bao gồm nước cất và chất chống đông.

Tỉ lệ:

50% chất chống đông và 50% nước cất

Chất chống đông chiếm tỉ lệ dưới 40% sẽ không đủ khả năng bảo vệ chống ăn mòn và nhiệt độ lạnh thích hợp.

Tỉ lệ lên đến 60% sẽ có khả năng bảo vệ tốt hơn ở điều kiện khí hậu lạnh.

LƯU Ý

Sử dụng dung dịch làm mát không chuyên dụng cho động cơ bằng nhôm hoặc sử dụng nước máy, nước khoáng có thể gây ăn mòn động cơ.

Thông hơi vách máy

Thường xuyên thực hiện bảo dưỡng khi điều khiển xe dưới trời mưa, chạy hết ga, hoặc sau khi rửa xe hay bị đổ xe. Thực hiện bảo dưỡng khi nhìn thấy cặn bẩn ở phần trong suốt của ống thông hơi.

Nếu thấy cặn bẩn tràn ra ngoài ống này, có khả năng lọc gió bị bám dầu động cơ làm giảm tính năng hoạt động của động cơ.

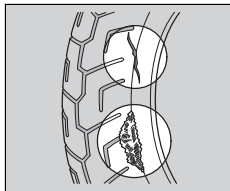
Lốp xe (Kiểm tra/Thay thế)

Kiểm tra áp suất lốp

Kiểm tra lốp bằng mắt thường và sử dụng đồng hồ đo áp suất để đo áp suất lốp ít nhất một lần mỗi tháng hay bất cứ khi nào thấy lốp bị non hơi. Luôn kiểm tra áp suất lốp khi lốp nguội.

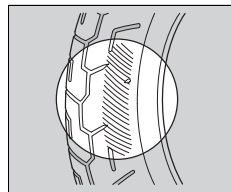
Kiểm tra hư hỏng lốp

Kiểm tra lốp xem có vết cắt hoặc nứt làm lộ phần lõi bên trong lốp ra ngoài hoặc bị vật nhọn cắm vào thành lốp hoặc gai lốp. Đồng thời kiểm tra xem lốp có bị phình to hoặc phồng lên ở hai bên thành lốp không.



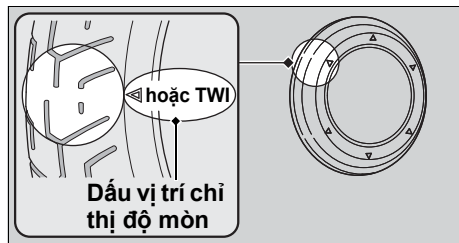
Kiểm tra mòn bất thường

Kiểm tra lốp xem có dấu hiệu mòn bất thường trên bề mặt tiếp xúc không.



Kiểm tra độ sâu gai lốp

Kiểm tra dấu chỉ thị mòn gai lốp. Nếu nhìn thấy dấu này lộ ra, hãy thay lốp ngay lập tức. Để giúp bạn lái xe an toàn, hãy thay thế lốp xe ngay khi lốp xe mòn đến độ sâu gai lốp tối thiểu.



TWI: Chỉ thị độ mòn gai lốp

⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng lốp xe bị mòn quá mức hoặc không được bơm đúng áp suất là những nguyên nhân gây tai nạn dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Hãy thực hiện theo những chỉ dẫn về bơm lốp và bảo dưỡng lốp xe trong tài liệu hướng dẫn này.

Đức

Luật pháp của Đức nghiêm cấm sử dụng loại lốp xe có độ mòn gai lốp dưới 1,6 mm.

Hãy đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để thay lốp.

Để biết thông tin về lốp khuyến dùng, áp suất lốp và độ sâu gai lốp tối thiểu, hãy tham khảo phần "Thông số kỹ thuật". ■ T. 128

Thực hiện theo những hướng dẫn sau mỗi khi thay lốp.

- Sử dụng lốp khuyến dùng hoặc loại lốp có cùng kích cỡ, cấu trúc, dải tốc độ và giới hạn trọng tải tương ứng với loại cũ để thay thế.
- Hãy cân bằng bánh xe bằng cách sử dụng đối trọng cân bằng chính hãng của Honda hoặc loại tương đương sau khi thay lốp mới.
- Loại xe này không được phép ráp săm bên trong lốp xe. Tích tụ nhiệt quá mức có thể làm nổ lốp.
- Loại xe này chỉ sử dụng lốp không săm. Vành xe được thiết kế dành riêng cho loại lốp không săm, trong quá trình tăng tốc hoặc phanh gấp thì kiểu lốp có săm sẽ bị trượt ra khỏi vành và nhanh chóng xì hơi.



CẢNH BÁO

Lắp lốp xe không đúng cách có thể gây ảnh hưởng đến khả năng điều khiển và sự ổn định của xe, có thể gây ra tai nạn làm thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Luôn sử dụng lốp xe đúng kích cỡ, đúng chủng loại theo như khuyến cáo trong hướng dẫn sử dụng này.

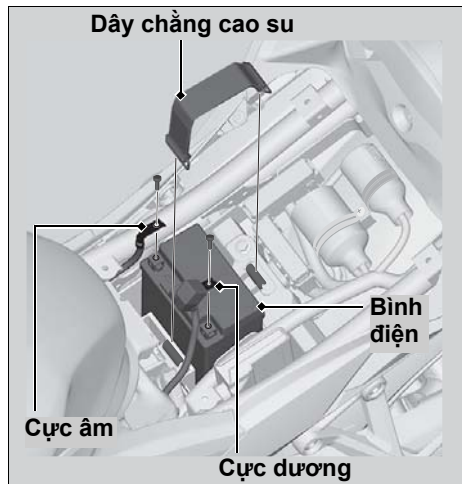
Bộ dụng cụ được đặt bên dưới yên sau.

➡ T. 81

Bạn có thể thực hiện việc sửa chữa, điều chỉnh nhỏ hoặc thay thế phụ tùng trên đường bằng những dụng cụ được trang bị này.

- Cờ lê móc
- Cờ lê 10 x 14 mm
- Tua vít Phillips/ tiêu chuẩn
- Cần tua vít
- Thanh nối
- Cờ lê lục giác 5 mm
- Dụng cụ tháo cầu chì

Bình điện



Tháo

Kiểm tra chắc chắn khóa điện đã ở vị trí  (Off).

1. Tháo yên trước. ➡ T. 80
2. Tháo dây chằng cao su ra khỏi mặt sau.
3. Tháo cực âm  ra khỏi bình điện.
4. Tháo cực dương  ra khỏi bình điện.
5. Tháo bình điện một cách cẩn thận tránh làm rơi các ốc cực.

Lắp

Lắp lại các chi tiết đã tháo theo thứ tự ngược với lúc tháo. Luôn nhớ nối cực dương  vào trước. Chắc chắn các bulông và ốc được siết chặt.

Chắc chắn các thông tin hiển thị trên đồng hồ phải chính xác sau khi lắp lại bình điện.

➡ T. 33

Để sử dụng bình điện đúng cách, hãy tham khảo phần "Nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản".

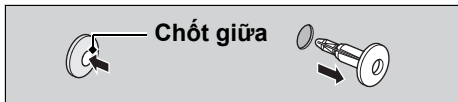
➡ T. 68

"Bình điện hỏng." ➡ T. 108

Kẹp

Tháo

1. Nhấn vào chốt giữa để mở khóa.
2. Kéo kẹp ra khỏi lỗ.



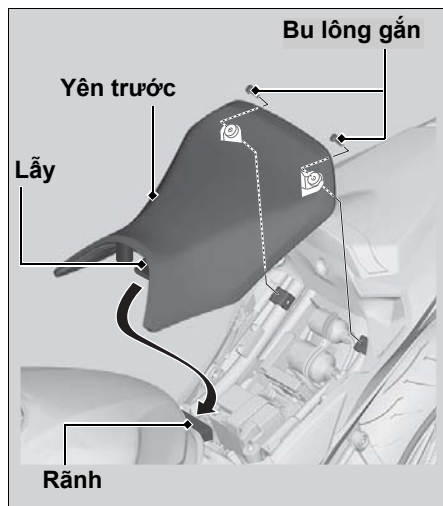
Lắp

1. Ấn chốt giữa từ dưới lên.



2. Đưa kẹp vào lỗ.
3. Ấn vào chốt giữa để khóa kẹp.

Yên trước



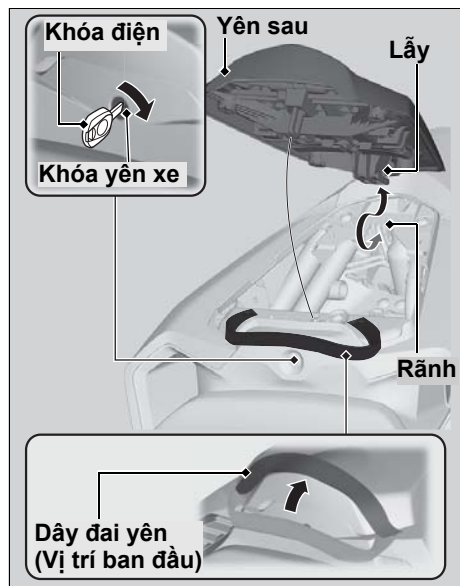
Tháo

1. Kéo các góc sau của yên trước lên, sau đó tháo các bu lông gắn.
2. Kéo yên trước ra phía sau và lên trên.

Lắp

1. Đưa lấy vào rãnh.
 2. Ráp và siết chặt bu lông.
- Kiểm tra yên xe xem có được khóa chặt không bằng cách nhấc nhẹ yên xe lên.

Yên sau



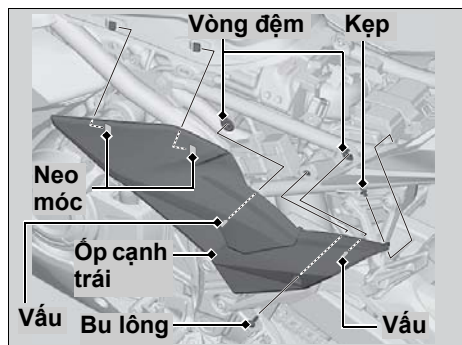
Tháo

1. Di chuyển dây đai yên về phía trước.
2. Tra khóa điện vào ổ khóa yên xe.
3. Vận chìa khóa theo chiều kim đồng hồ, sau đó kéo yên sau về phía trước và lên trên.

Lắp

1. Đưa lẫy vào rãnh.
2. Ấn phía trước yên sau xuống trong khi tra khóa điện vào ổ khóa yên.
Kiểm tra yên xe xem có được khóa chặt không bằng cách nhấc nhẹ yên xe lên.
3. Di chuyển dây đai yên về vị trí cũ.
Yên xe tự động khóa khi đóng lại.

Ốp cạnh trái



Tháo

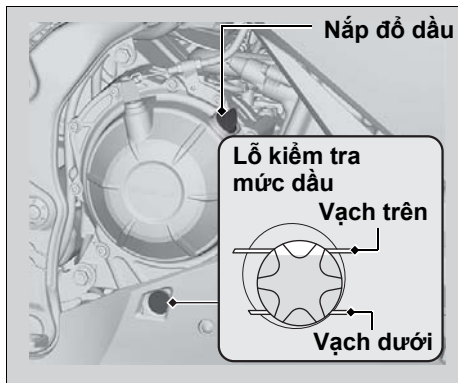
1. Tháo yên trước. ► T. 80
2. Tháo bu lông và kẹp ra. ► T. 79
3. Tháo các vấu ra khỏi vòng đệm, sau đó dịch chuyển ốp cạnh trái về phía sau bằng cách nối lỏng các neo móc.

Lắp

Lắp lại các chi tiết đã tháo theo thứ tự ngược với lúc tháo.

Kiểm tra dầu động cơ

1. Nếu động cơ nguội, để động cơ nổ cầm chừng từ 3 đến 5 phút.
2. Vận khóa điện sang vị trí ○ (Off) và đợi từ 2 - 3 phút.
3. Dừng xe thẳng đứng trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn.
4. Kiểm tra xem mức dầu có nằm giữa vạch trên và vạch dưới trên lỗ kiểm tra mức dầu không.



Đổ thêm dầu động cơ

Nếu dầu động cơ ở mức dưới hoặc gần chạm dấu vạch dưới, hãy đổ thêm dầu động cơ khuyến dùng. ► T. 70, ► T. 128

1. Tháo nắp đổ dầu. Đổ dầu khuyến dùng cho đến khi chạm dấu vạch trên.
 - Dừng xe thẳng đứng trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn khi kiểm tra mức dầu.
 - Không đổ dầu tràn quá dấu vạch trên.
 - Chắc chắn không có vật lạ lọt vào qua lỗ đổ dầu.
 - Lau sạch chỗ dầu tràn ngay lập tức.

2. Đảm bảo lắp nắp đổ dầu vào chắc chắn.

LƯU Ý

Đổ quá nhiều dầu hoặc vận hành xe thiếu dầu có thể gây hư hỏng động cơ. Không được hòa trộn các loại dầu có nhãn hiệu và phẩm cấp khác nhau. Chúng có thể ảnh hưởng không tốt đến hoạt động bôi trơn và tính năng của côn.

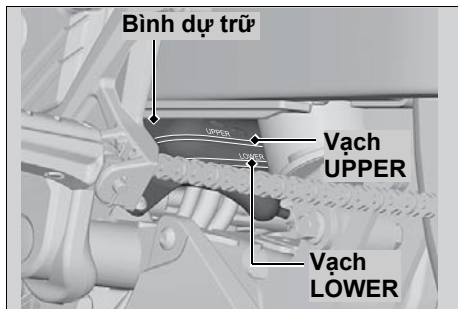
Để biết loại dầu khuyến dùng và hướng dẫn lựa chọn dầu, hãy tham khảo phần “Nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản.” ► T. 70

Kiểm tra dung dịch làm mát

Kiểm tra lượng dung dịch làm mát trong bình dự trữ khi động cơ nguội.

1. Dựng xe trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn.
2. Giữ cho xe thẳng đứng.
3. Kiểm tra mức dung dịch làm mát có nằm giữa vạch UPPER và vạch LOWER trong bình dự trữ không.

Nếu thấy lượng dung dịch làm mát giảm nhanh hoặc cạn hết, có khả năng bị rò rỉ dung dịch làm mát nghiêm trọng. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.



Đổ thêm dung dịch làm mát

Nếu lượng dung dịch làm mát nằm dưới vạch LOWER, hãy đổ thêm dung dịch làm mát khuyến dùng (MT. 73) cho đến khi chạm vạch UPPER.

Chỉ đổ thêm dung dịch làm mát qua nắp bình dự trữ, không được tháo nắp kết tản nhiệt.

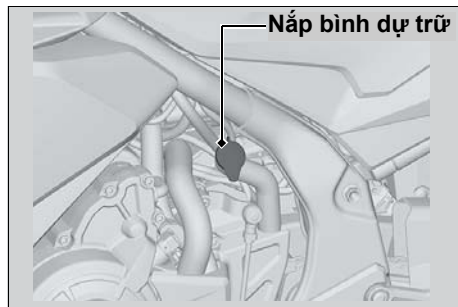
Dung dịch làm mát ► Đổ thêm dung dịch làm mát

1. Tháo nắp bình dự trữ và đổ thêm dung dịch làm mát vào bình đồng thời chú ý lượng dung dịch làm mát.
 ► Không đổ dung dịch làm mát tràn quá vạch UPPER.
 ► Chắc chắn không có vật lạ lọt vào qua miệng bình dự trữ.
2. Lắp lại thật chặt nắp bình dự trữ.

CẢNH BÁO

Tháo nắp két tản nhiệt trong khi động cơ còn nóng có thể làm dung dịch làm mát bắn ra ngoài gây bỏng.

Luôn để động cơ và bộ tản nhiệt nguội hẳn trước khi tháo nắp két tản nhiệt.

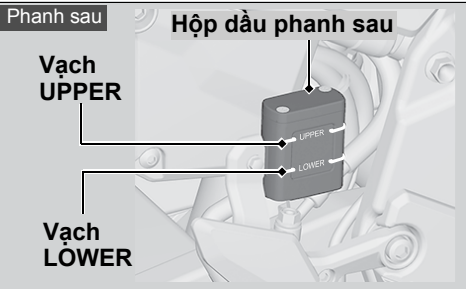
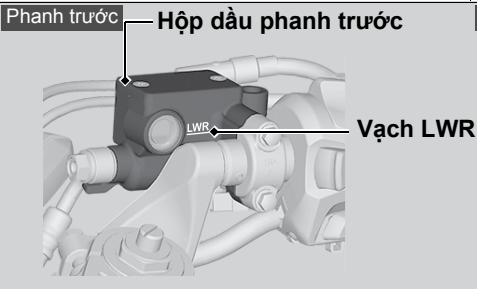


Kiểm tra dầu phanh

1. Dừng xe thẳng đứng trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn.
2. **Phanh trước** Kiểm tra hộp dầu phanh có nằm ngang không và mực dầu có vượt quá vạch LWR không.
Phanh sau Kiểm tra hộp dầu phanh có nằm ngang không và mực dầu có nằm ở giữa vạch LOWER và vạch UPPER không.

Nếu mực dầu phanh trong hộp dầu phanh thấp hơn vạch LWR hoặc LOWER hoặc hành trình tự do tay phanh và bàn đạp phanh vượt quá tiêu chuẩn, hãy kiểm tra độ mòn má phanh.

Nếu má phanh không bị mòn, có khả năng bị rò rỉ dầu phanh. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.



Kiểm tra má phanh

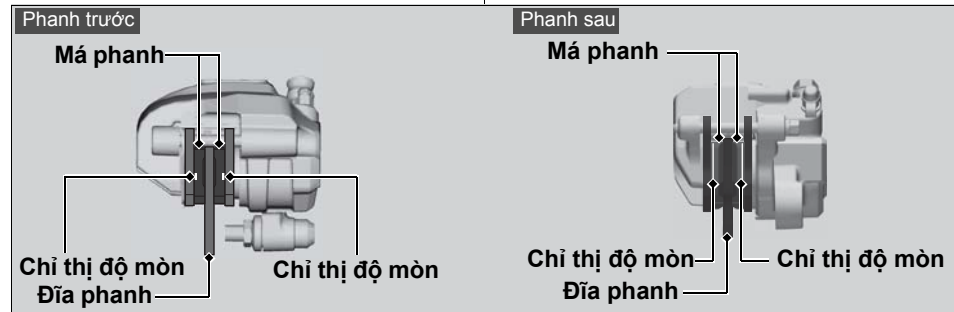
Kiểm tra tình trạng dấu chỉ thị mòn má phanh.

Cần thay thế má phanh nếu má phanh bị mòn tới dấu chỉ thị.

1. **Phanh trước** Kiểm tra má phanh từ phía dưới ngàm phanh.
2. **Phanh sau** Kiểm tra má phanh từ bên phải phía sau xe.

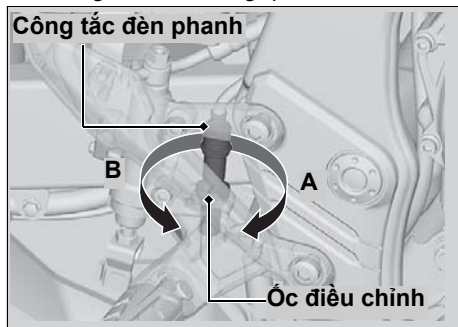
Nếu cần thay thế má phanh, nên để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda thực hiện công việc này.

Luôn thay cả má phanh bên trái và bên phải cùng lúc.

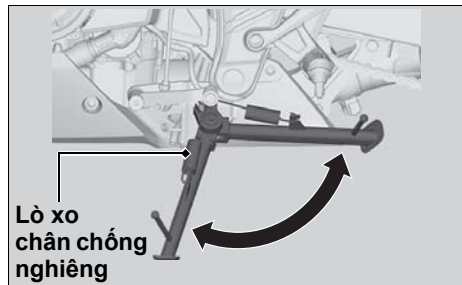


Điều chỉnh công tắc đèn phanh

Kiểm tra hoạt động của công tắc đèn phanh. Giữ công tắc đèn phanh và vặn ốc điều chỉnh theo hướng A nếu công tắc hoạt động quá trễ hoặc vặn ốc theo hướng B nếu công tắc hoạt động quá sớm.



Kiểm tra chân chống nghiêng



1. Kiểm tra chân chống nghiêng có hoạt động trơn tru không. Nếu chân chống nghiêng bị cứng hoặc kêu cọt két thì làm sạch khu vực chốt và bôi trơn ốc chốt bằng mỡ bôi trơn sạch.
2. Kiểm tra lò xo xem có bị hỏng hoặc mất đàn hồi không.
3. Ngồi lên xe, để xe ở Không số, và gạt chân chống nghiêng lên.

4. Khởi động động cơ, bóp tay côn và thực hiện sang số.
5. Hạ hết chân chống nghiêng xuống. Động cơ sẽ dừng ngay khi hạ chống nghiêng. Nếu động cơ không dừng, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Kiểm tra độ chùng xích tải

Kiểm tra độ chùng xích tải tại một vài điểm của xích. Nếu độ chùng không đồng nhất ở tất cả các điểm, có thể một vài mắt xích bị xoắn và dính.

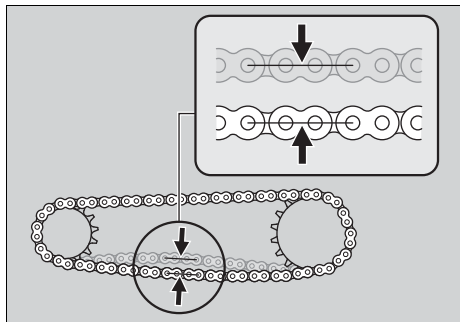
Hãy đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

1. Chuyển về trạng thái Không số. Tắt máy.
2. Dừng xe bằng chân chống nghiêng trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn.
3. Kiểm tra độ chùng ở nửa dưới của xích tải tại vị trí giữa hai nhông.

Độ chùng xích tải:

25 - 35 mm (1.0 - 1.4 in)

- Không lái xe nếu độ chùng xích vượt quá 50 mm (2.0 in).



4. Dắt xe về phía trước và kiểm tra xem xích có di chuyển êm không.
5. Kiểm tra nhông tải. ➡ T. 71
6. Vệ sinh và bôi trơn xích tải. ➡ T. 72

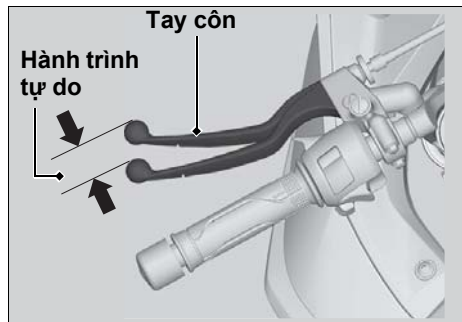
Kiểm tra côn

Kiểm tra hành trình tự do tay côn

Kiểm tra hành trình tự do tay côn.

Hành trình tự do tại tay côn:

10 - 20 mm (0.4 - 0.8 in)



Kiểm tra xem dây côn có bị xoắn hoặc có dấu hiệu mòn không. Nếu cần thay thế, nên để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda thực hiện công việc này.

Bôi trơn dây côn bằng loại dầu bôi trơn có sẵn trên thị trường để ngăn chặn tình trạng mòn sớm hoặc ăn mòn.

LƯU Ý

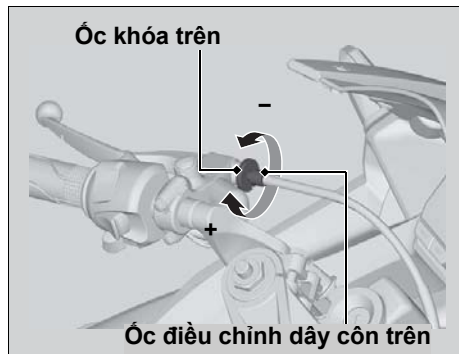
Điều chỉnh hành trình tự do không đúng có thể khiến côn bị ăn mòn sớm.

Điều chỉnh hành trình tự do tay côn

Điều chỉnh trên

Trước tiên, hãy điều chỉnh bằng ốc điều chỉnh dây côn trên.

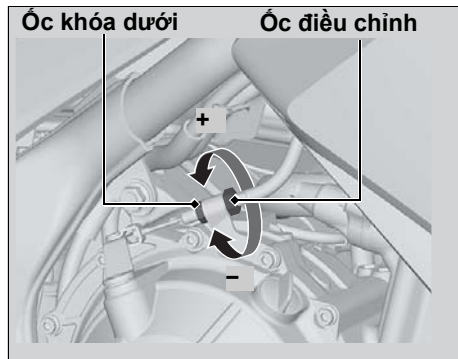
1. Nới lỏng ốc khóa trên.
2. Vận ốc điều chỉnh dây côn trên cho tới khi hành trình tự do đạt 10 - 20 mm (0.4 - 0.8 in).
3. Siết ốc khóa trên và kiểm tra hành trình tự do lần nữa.



Điều chỉnh dưới

Nếu ốc điều chỉnh dây côn trên bị vặn ra ngoài giới hạn ren, hoặc không thể đạt được hành trình tự do chính xác, hãy điều chỉnh bằng ốc điều chỉnh dây côn dưới.

1. Nới lỏng ốc khóa trên và vặn ốc điều chỉnh dây côn trên vào hết cỡ (để có được hành trình tự do tối đa). Siết chặt ốc khóa trên.
2. Nới lỏng ốc khóa dưới.
3. Vặn ốc điều chỉnh cho đến khi hành trình tự do tay côn nằm trong khoảng 10 - 20 mm (0.4 - 0.8 in).
4. Siết chặt ốc khóa dưới và kiểm tra hành trình tự do tay côn.
5. Khởi động động cơ, bóp tay côn và thực hiện sang số. Đảm bảo xe không bị chết máy và bị giật. Nhả từ từ tay côn và mở ga. Xe sẽ di chuyển êm và tăng tốc từ từ.

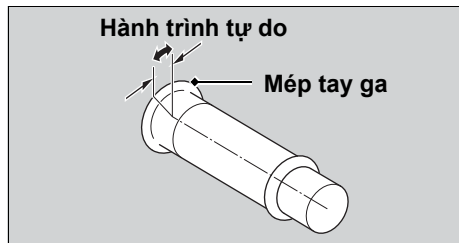


Nếu bạn không thể điều chỉnh đúng được theo cách này hoặc côn hoạt động không đúng cách, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

Kiểm tra tay ga

Tắt máy, kiểm tra xem tay ga có xoay êm từ vị trí đóng hết cho đến vị trí mở hết ở mọi vị trí của cổ lái và hành trình tự do tay ga có đúng không. Nếu tay ga không di chuyển êm, tự động đóng ga hoặc nếu dây ga bị hỏng, hãy mang đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Hành trình tự do tay ga tính từ mép tay ga:
2 - 6 mm (0.1 - 0.2 in)



Điều chỉnh tay phanh

Có thể điều chỉnh khoảng cách giữa đầu tay phanh và tay ga.

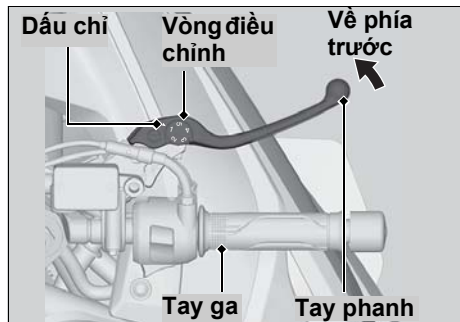
Phương pháp điều chỉnh

Xoay vòng điều chỉnh cho tới khi các số khớp với dấu chỉ đồng thời đẩy tay phanh về phía trước đến vị trí mong muốn.

Sau khi điều chỉnh, kiểm tra xem tay phanh có hoạt động bình thường không trước khi lái.

LƯU Ý

Không vặn vòng điều chỉnh vượt quá giới hạn.



Điều chỉnh giảm xóc trước

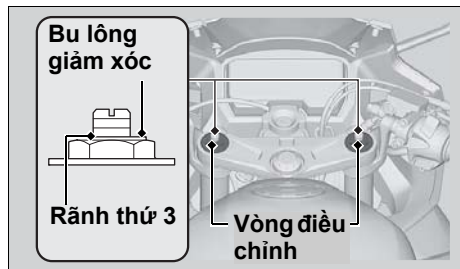
Tải trước lò xo

Có thể điều chỉnh tải trước lò xo bằng vòng điều chỉnh sao cho phù hợp với trọng tải hoặc bề mặt đường.

Xoay theo chiều kim đồng hồ để tăng tải trước lò xo (cứng), hoặc ngược chiều kim đồng hồ để giảm tải trước lò xo (mềm). Vị trí tiêu chuẩn là rãnh thứ 3 tính từ đỉnh khớp với mặt trên của bu lông giảm xóc.

LƯU Ý

Không vặn vòng điều chỉnh vượt quá giới hạn.
Điều chỉnh giảm xóc trái và giảm xóc phải tới cùng tải trước lò xo.



Điều chỉnh giảm xóc sau

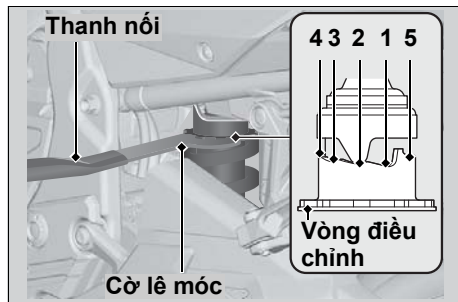
Tải trước lò xo

Có thể điều chỉnh tải trước lò xo bằng vòng điều chỉnh sao cho phù hợp với trọng tải hoặc bề mặt đường.

Vặn vòng điều chỉnh bằng cờ lê móc và thanh nối được cung cấp trong bộ dụng cụ (► T. 77).

Sử dụng cờ lê móc và thanh nối để vặn vòng điều chỉnh. Vị trí 1 là để giảm tải trước lò xo (mềm), hoặc vặn vị trí từ 3 đến 5 để tăng tải trước lò xo (cứng).

Vị trí tiêu chuẩn là vị trí số 2.



LƯU Ý

Cổ điều chỉnh trực tiếp từ vị trí số 1 sang vị trí số 5 hoặc vị trí số 5 sang vị trí số 1 có thể làm hỏng giảm xóc.

LƯU Ý

Không vặn vòng điều chỉnh vượt quá giới hạn.

LƯU Ý

Bộ giảm xóc sau chứa khí ni tơ áp suất cao. Không được tháo rời, bảo dưỡng hoặc loại bỏ không đúng cách. Hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

Tìm kiếm hư hỏng

Động cơ không khởi động (đèn báo HISS sáng)	T. 100
Quá nhiệt (Vạch H trong đồng hồ đo nhiệt độ dung dịch làm mát nhấp nháy).T.	101
Các đèn cảnh báo sáng hoặc nhấp nháy.T.	102
Đèn báo áp suất dầu thấp	T. 102
Đèn báo lỗi PGM-FI (Phun xăng điện tử) (MIL).....	T. 103
Đèn báo ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh)	T. 104
Các cảnh báo khác.....	T. 105
Báo lỗi đồng hồ báo xăng.....	T. 105
Báo lỗi đồng hồ đo nhiệt độ dung dịch làm mát.....	T. 106

Thùng lớp	T. 107
Trục trục về điện	T. 108
Bình điện hỏng	T. 108
Cháy bóng đèn.....	T. 108
Cháy cầu chì	T. 110

Mô tơ đề hoạt động nhưng động cơ không khởi động

Kiểm tra các mục sau đây:

- Kiểm tra quy trình khởi động động cơ tiêu chuẩn. ➡ T. 53
- Kiểm tra xem có còn xăng trong bình không.
- Kiểm tra xem đèn báo lỗi phun xăng điện tử PGM-FI (MIL) có sáng không.
 - ▶ Nếu đèn này sáng, hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda càng sớm càng tốt.
- Kiểm tra xem đèn báo HISS có sáng không.
 - ▶ Vặn khóa điện sang vị trí ○ (Off) và rút chìa khóa ra. Cắm lại chìa khóa và vặn khóa điện sang vị trí Ⅱ (On). Nếu đèn báo vẫn sáng, kiểm tra những điều sau:
Kiểm tra để chắc rằng không có chìa khóa HISS khác (bao gồm khóa dự phòng) gần khóa điện.

Kiểm tra để chắc rằng không có bất kỳ miếng dán hoặc vật chặn kim loại nào trên chìa khóa.

Nếu đèn báo HISS vẫn sáng, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Mô tơ đề không hoạt động

Kiểm tra các mục sau đây:

- Kiểm tra quy trình khởi động động cơ tiêu chuẩn. ➡ T. 53
 - Kiểm tra chắc chắn công tắc ngắt động cơ đã ở vị trí ○ (Run). ➡ T. 50
 - Kiểm tra xem cầu chì có bị đứt không. ➡ T. 110
 - Kiểm tra xem kết nối bình điện có lỏng không (➡ T. 78) hoặc điện cực có bị mòn không (➡ T. 68).
 - Kiểm tra tình trạng bình điện. ➡ T. 108
- Nếu lỗi trên vẫn còn tiếp diễn, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Quá nhiệt (Vạch H trong đồng hồ đo nhiệt độ dung dịch làm mát nhấp nháy)

Động cơ bị quá nhiệt khi có các hiện tượng sau:

- Vạch H trong đồng hồ đo nhiệt độ dung dịch làm mát nhấp nháy.
 - Tăng tốc chậm.
- Nếu có hiện tượng trên, hãy đưa xe vào lề đường và thực hiện quy trình sau.

Để động cơ nổ cầm chừng quá lâu có thể khiến vạch H nhấp nháy.

LƯU Ý

Tiếp tục lái xe khi động cơ bị quá nhiệt có thể gây hư hỏng nghiêm trọng cho động cơ.

1. Tắt máy bằng khóa điện sau đó vặn khóa điện sang vị trí I (On).

2. Kiểm tra xem quạt gió có hoạt động không sau đó vặn khóa điện sang vị trí 0 (Off).

Nếu quạt không hoạt động:

Khả năng có hư hỏng. Không khởi động động cơ. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

Nếu quạt hoạt động:

Để động cơ nguội với khóa điện ở vị trí 0 (Off).

3. Sau khi động cơ nguội, hãy kiểm tra ống tản nhiệt và kiểm tra xem có rò rỉ không.

➡ T. 85

Nếu có rò rỉ:

Không khởi động động cơ. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

4. Kiểm tra mức dung dịch làm mát trong bình dự trữ. ➡ T. 85

► Bổ sung thêm dung dịch làm mát nếu cần thiết.

5. Nếu các bước kiểm tra từ 1-4 bình thường, bạn có thể tiếp tục lái xe, nhưng phải luôn theo dõi đồng hồ đo nhiệt độ.

Đèn báo áp suất dầu thấp

Nếu đèn báo áp suất dầu thấp sáng, hãy đưa xe vào lề đường và tắt máy.

LƯU Ý

Tiếp tục lái xe khi áp suất dầu thấp có thể gây hư hỏng nghiêm trọng cho động cơ.

1. Kiểm tra mức dầu động cơ và đổ thêm dầu nếu cần. ➡ T. 83, ➡ T. 84
2. Khởi động động cơ.
► Chỉ tiếp tục lái xe khi đèn báo áp suất dầu thấp tắt.

Tăng tốc nhanh có thể làm cho đèn báo áp suất dầu thấp sáng trong giây lát, đặc biệt là khi dầu đang ở hoặc gần mức thấp.

Nếu đèn báo áp suất dầu thấp vẫn sáng khi mức dầu ở đúng mức dầu quy định, hãy tắt máy và liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

Nếu mức dầu động cơ giảm nhanh, xe có thể bị rò rỉ dầu hoặc gặp phải hư hỏng nghiêm trọng khác. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đèn báo lỗi PGM-FI (Phun xăng điện tử) (MIL)

Loại U

Nếu đèn này sáng khi đang lái xe, có thể hệ thống PGM-FI bị trục trặc nghiêm trọng. Hãy giảm tốc độ và mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra càng sớm càng tốt.

Loại ED, KO

Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy

- Sáng khi có vấn đề xảy ra với hệ thống kiểm soát khí xả.
- Nhấp nháy khi phát hiện ra hiện tượng bỏ máy/động cơ hoạt động bất thường.

Hành động cần làm khi đèn báo sáng

Giảm tốc độ và nhanh chóng mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Hành động cần làm khi đèn báo nhấp nháy

Đỗ xe ở nơi an toàn không có các vật dụng dễ bắt lửa, tắt động cơ và đợi 10 phút cho đến khi động cơ nguội hẳn.

LƯU Ý

Lái xe khi đèn báo lỗi sáng có thể làm hỏng hệ thống kiểm soát khí xả và động cơ.

LƯU Ý

Nếu đèn báo lỗi nhấp sáng lại khi khởi động lại động cơ, lái xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda gần nhất với tốc độ nhỏ hơn hoặc bằng 50km/giờ (31 dặm/giờ) để kiểm tra xe.

Đèn báo ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh)

Nếu đèn báo có dấu hiệu sau đây, có thể ABS bị trục trặc nghiêm trọng. Hãy giảm tốc độ và mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra càng sớm càng tốt.

- Đèn báo sáng hoặc bắt đầu nhấp nháy trong khi lái.
- Đèn báo không sáng khi khóa điện ở vị trí I (On).
- Đèn báo không tắt khi xe đạt tốc độ trên 10 km/giờ (6 dặm/giờ).

Nếu đèn báo ABS vẫn sáng, phanh sẽ vẫn hoạt động như hệ thống bình thường nhưng không có chức năng chống khóa cứng phanh.

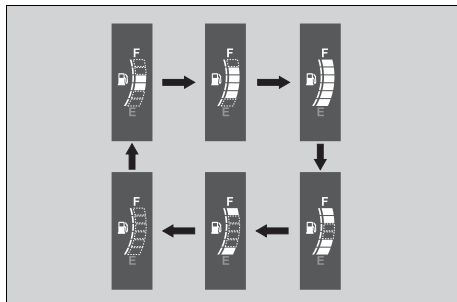
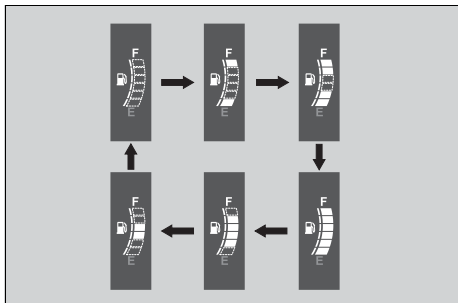
Đèn báo ABS có thể nhấp nếu bạn quay bánh sau khi nâng xe lên khỏi mặt đất. Trong trường hợp này, vặn khóa điện sang vị trí O (Off), và sau đó sang vị trí I (On). Đèn báo ABS sẽ tắt sau khi đạt tốc độ 30 km/giờ (19 dặm/giờ).

Các cảnh báo khác

Báo lỗi đồng hồ báo xăng

Nếu hệ thống nhiên liệu bị lỗi, các đèn báo xăng sẽ hiển thị trên màn hình giống như hình minh họa sau đây.

Nếu có các hiện tượng như trên xảy ra, hãy mang đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda càng sớm càng tốt.



Báo lỗi đồng hồ đo nhiệt độ dung dịch làm mát

Nếu hệ thống làm mát bị lỗi, các vạch sẽ nhấp nháy giống như hình minh họa. Nếu hiện tượng như trên xảy ra, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda càng sớm càng tốt.



Thủng lốp

Để vá lốp bị thủng hoặc tháo bánh xe, bạn phải có dụng cụ đặc biệt và tay nghề về kỹ thuật. Chúng tôi khuyến cáo bạn nên để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda thực hiện công việc này.

Sau khi vá lốp tạm thời, luôn nhớ kiểm tra lốp hoặc thay lốp mới ở Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

Sửa chữa khẩn cấp bằng bộ dụng cụ sửa chữa lốp

Nếu lốp xe bị thủng một lỗ nhỏ, có thể sửa chữa khẩn cấp bằng bộ dụng cụ sửa chữa lốp không săm.

Hãy làm theo hướng dẫn sử dụng đi kèm với bộ dụng cụ sửa chữa lốp khẩn cấp.

Lái xe với lốp xe chỉ được sửa chữa tạm thời là rất nguy hiểm. Không lái xe vượt quá 50 km/h (30 dặm/giờ). Hãy mang xe đến

Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để thay thế càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Lái xe với lốp vá tạm thời có thể rất nguy hiểm. Nếu lốp này bị hỏng, tai nạn có thể xảy ra gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Nếu buộc phải lái xe với lốp vá tạm thời, hãy lái xe thật chậm và cẩn thận, không lái xe vượt quá 50 km/h (30 dặm/giờ) cho đến khi lốp xe được thay thế.

Bình điện hồng

Sạc bình điện bằng máy sạc bình điện dùng cho xe máy.

Tháo bình điện ra khỏi xe trước khi sạc. Không sử dụng máy sạc bình điện dùng cho ô tô vì có thể gây quá nhiệt bình điện và làm hỏng bình điện. Nếu bình điện không phục hồi sau khi sạc, hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

LƯU Ý

Chúng tôi khuyến cáo bạn không sử dụng bình điện dùng cho ô tô để khởi động vì có thể gây hư hỏng hệ thống điện trên xe.

Cháy bóng đèn

Thực hiện theo quy trình sau để thay thế bóng đèn cháy.

Vặn khóa điện sang vị trí  (Off) hoặc  (Lock).

Hãy để bóng đèn nguội hẳn trước khi thay thế.

Không sử dụng bóng đèn khác loại đã quy định.

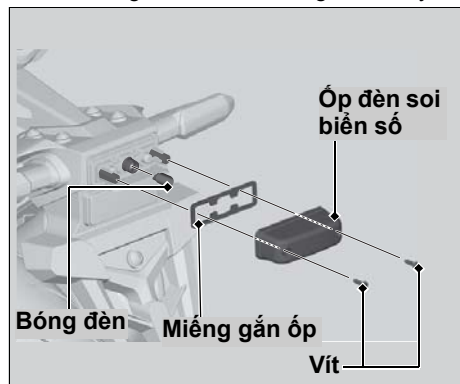
Kiểm tra bóng đèn đã được thay xem có hoạt động đúng không trước khi lái.

Để biết thông số bóng đèn, vui lòng tham khảo phần “Thông số kỹ thuật”  T. 129

Đèn pha, đèn vị trí, đèn báo rẽ trước, đèn phanh, đèn hậu, đèn báo rẽ sau sử dụng đèn LED. Nếu thấy một bóng LED nào không sáng, hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

I Đèn soi biển số

1. Tháo các vít, ốp đèn soi biển số và miếng gắn ốp.
2. Kéo bóng đèn ra mà không cần xoay.



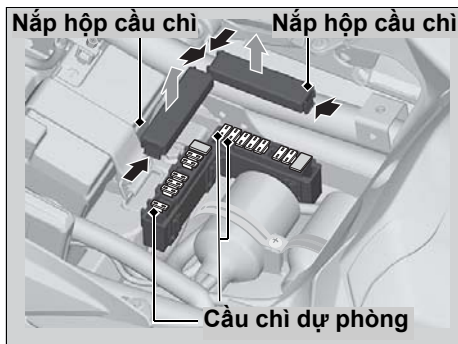
3. Lắp bóng đèn mới và lắp lại các bộ phận theo thứ tự ngược với lúc tháo.

Cháy cầu chì

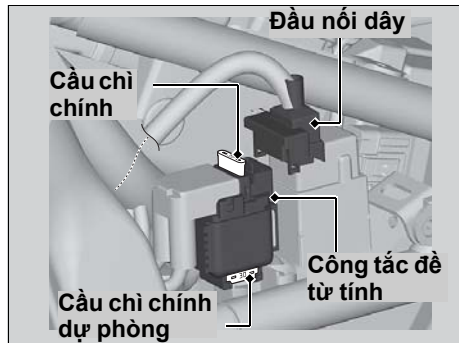
Trước khi sửa chữa cầu chì, tham khảo phần "Kiểm tra và thay thế cầu chì." ► T. 70

Hộp cầu chì

1. Tháo yên trước. ► T. 80
2. Tháo nắp hộp cầu chì.
3. Dùng dụng cụ tháo cầu chì trong bộ dụng cụ kéo cầu chì ra từng chiếc một và kiểm tra xem có cầu chì nào bị cháy không. Luôn thay cầu chì bị cháy bằng cầu chì dự phòng có cùng thông số.
4. Lắp lại nắp hộp cầu chì.
5. Lắp lại yên trước.



I Cầu chì chính



1. Tháo ốp cạnh trái. ➡ T. 82
2. Ngắt đầu nối dây của công tắc đề từ tính.

3. Kéo cầu chì chính ra và kiểm tra xem có bị cháy không. Luôn thay cầu chì bị cháy bằng cầu chì dự phòng có cùng thông số.

► Cầu chì chính dự phòng được đặt cùng với công tắc đề từ tính.

4. Lắp lại các chi tiết đã tháo theo thứ tự ngược với lúc tháo.

LƯU Ý

Nếu cầu chì liên tục bị hỏng, có khả năng hệ thống điện bị trục trặc. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Thông tin

Bộ ghi chẩn đoán bảo dưỡng và sửa chữa	T. 113
Chìa khóa xe.....	T. 113
Bảng thiết bị, công tắc điều khiển & các tính năng khác.....	T. 115
Chăm sóc xe.....	T. 117
Bảo quản xe	T. 121
Vận chuyển xe.....	T. 122
Bạn & Môi trường xung quanh.....	T. 123
Số khung, số máy	T. 124
Xăng chứa còn.....	T. 125
Bộ chuyển đổi chất xúc tác	T. 126

Bộ ghi chẩn đoán bảo dưỡng và sửa chữa

Loại ED, KO

Chiếc xe này được trang bị thiết bị cho phép ghi thông tin về hiệu suất hệ thống truyền lực và điều kiện lái xe.

Dữ liệu có thể được sử dụng để giúp kỹ thuật viên chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng xe. Không ai có thể truy cập dữ liệu này trừ khi có yêu cầu của luật pháp hoặc có sự cho phép của chủ sở hữu.

Tuy nhiên Honda, đại lý ủy quyền và bên sửa chữa ủy quyền, nhân viên, đại diện và nhà thầu có thể truy cập dữ liệu này với mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

Chìa khóa xe

Chìa khóa điện

Xe này có hai chìa khóa điện và một thẻ chìa khóa có mã chìa khóa và mã vạch.

Chìa khóa điện có một chip mã hóa đặc biệt và được nhận biết bởi hệ thống khóa khởi động an toàn (HISS) để khởi động động cơ. Sử dụng khóa cẩn thận để tránh làm hỏng các bộ phận HISS.

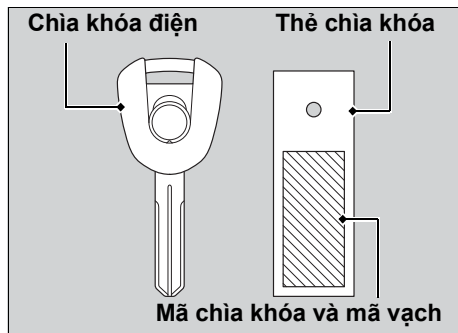
- Không bẻ cong chìa khóa hoặc để chìa chịu tác động mạnh.
- Tránh tiếp xúc ánh nắng mặt trời hoặc nhiệt độ cao quá lâu.
- Không mài, khoan hoặc thay đổi hình dạng của chìa khóa bằng bất kỳ cách nào.
- Không để chìa khóa tiếp xúc với các vật có từ tính mạnh.

Nếu mất toàn bộ chìa khóa điện và thẻ chìa khóa, Cửa hàng xe phân khối lớn Honda phải thay mô-đun điều khiển bộ khởi động/bộ PGM-FI. Để tránh xảy ra trường hợp này, hãy giữ chìa khóa dự phòng cẩn thận. Nếu mất một chìa khóa, hãy làm một chiếc chìa khóa dự phòng mới ngay lập tức.

Để làm lại chìa khóa và đăng ký với hệ thống HISS, hãy mang theo chìa khóa dự phòng, thẻ chìa khóa và xe máy tới Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

► Cất giữ thẻ chìa khóa ở nơi an toàn.

Sử dụng móc treo chìa khóa bằng kim loại có thể làm xước khu vực xung quanh khóa điện.



Bảng thiết bị, công tắc điều khiển & các tính năng khác

Khóa điện

Để khóa điện ở vị trí **I** (On) khi động cơ dừng hoạt động sẽ làm hao hụt điện áp bình điện. Không được vận chia khóa khi đang lái xe.

Công tắc ngắt động cơ

Không sử dụng công tắc ngắt động cơ, trừ trường hợp khẩn cấp. Làm vậy khi lái xe có thể khiến cho động cơ bị tắt đột ngột, không an toàn cho việc lái xe.

Nếu dừng động cơ bằng công tắc ngắt động cơ, hãy vận khóa điện sang vị trí **O** (Off). Không làm vậy sẽ làm hao hụt điện áp bình điện.

Đồng hồ đo quãng đường

Đồng hồ đo quãng đường sẽ dừng tại 999.999 khi giá trị đọc được trên đồng hồ vượt quá 999.999.

Đồng hồ đo hành trình

Đồng hồ đo hành trình sẽ trở về 0,0 khi giá trị đọc được trên đồng hồ vượt quá 9.999,9

HISS

Hệ thống khóa khởi động an toàn Honda (HISS) sẽ khóa hệ thống khởi động động cơ khi sử dụng chìa sai mã để khởi động động cơ. Khi vận khóa điện sang vị trí **O** (Off), hệ thống HISS luôn cảnh báo, ngay cả khi đèn báo HISS không nhấp sáng.

Nếu vận khóa điện sang vị trí **I** (On) khi công tắc ngắt động cơ ở vị trí **R** (Run), đèn báo HISS sáng và tắt sau vài giây để cho biết đã có thể khởi động động cơ. **Đèn báo HISS không tắt**  T. 100

Đèn báo HISS bắt đầu nhấp 2 giây một lần trong 24 giờ sau khi vận khóa điện sang vị trí **O** (Off). Bạn có thể tắt và bật tính năng này.  T. 35

Bảng thiết bị, công tắc điều khiển & các tính năng khác

Chỉ thị EU

Hệ thống khóa khởi động an toàn tuân theo Chỉ thị RE (Thiết bị vô tuyến) (2014/53/EU).



Công bố hợp chuẩn với chỉ thị RE được cấp cho người sở hữu tại thời điểm mua xe. Công bố này phải được cất giữ tại nơi an toàn. Nếu bạn làm mất công bố này hoặc không được cung cấp, xin vui lòng liên hệ hệ thống phân phối.

Chỉ áp dụng cho Nam Phi



Chỉ áp dụng cho Singapore



Chỉ áp dụng cho Ma-rốc

AGREE PAR L'ANRT MAROC

Numéro d'agrément : MR 6164 ANRT 2011

Date d'agrément : 04/04/2011

Túi đựng tài liệu

Có thể cất giữ sách hướng dẫn sử dụng, thông tin đăng ký xe, bảo hiểm xe máy bên trong túi đựng tài liệu bằng nhựa ở mặt dưới của yên trước. T. 59

Hệ thống ngắt máy

Cảm biến góc nghiêng của xe tự động ngắt hoạt động của động cơ và bơm xăng nếu xe bị đổ. Để cài đặt lại cảm biến, cần phải vặn khóa điện sang vị trí (Off) sau đó quay trở lại vị trí (On) trước khi khởi động lại động cơ.

Hệ thống ly hợp chống trượt

Hệ thống ly hợp chống trượt giúp bánh sau không bị bó cứng khi xe giảm tốc tạo ra hiệu quả phanh động cơ mạnh mẽ. Đồng thời hệ thống này giúp tay côn hoạt động nhẹ hơn. Chỉ sử dụng dầu động cơ phân loại MA cho xe. Sử dụng dầu động cơ khác ngoài dầu phân loại MA có thể gây hỏng hệ thống ly hợp chống trượt.

Chăm sóc xe

Thường xuyên vệ sinh và lau chùi xe là công việc quan trọng nhằm duy trì tuổi thọ của xe. Một chiếc xe được vệ sinh sạch sẽ có thể dễ dàng phát hiện ra vấn đề trục trặc. Nước biển hoặc muối dùng để hạn chế băng trên đường đi có thể làm tăng khả năng gỉ sét cho xe. Do vậy, luôn nhớ phải rửa xe sạch sẽ sau khi đi trên những đoạn đường gần biển hoặc có muối trên đường.

Rửa xe

Hãy để động cơ, ống xả, phanh và các chi tiết có nhiệt độ cao nguội hẳn trước khi rửa xe.

1. Loại bỏ hết bụi bẩn bằng vòi nước có áp suất thấp.
2. Nếu cần, hãy sử dụng một miếng xốp hoặc khăn mềm nhúng vào dung dịch tẩy rửa nhẹ để lau xe.
 - Vệ sinh kính chắn gió, các chụp đèn pha, ốp nhựa và các chi tiết bằng nhựa khác thật cẩn thận để tránh làm xước chúng. Tránh phun nước trực tiếp vào lọc gió, ống xả và các chi tiết của hệ thống điện.

3. Xả sạch xe bằng nhiều nước và dùng giẻ mềm sạch để lau khô xe.
4. Sau khi xe đã được lau khô, hãy bôi trơn các chi tiết chuyển động trên xe.
 - ▶ Chắc chắn rằng dầu bôi trơn không bám vào phanh hoặc lốp xe. Đã phanh, má phanh, trống phanh hoặc guốc phanh bị bám dầu động cơ sẽ làm giảm đáng kể hiệu quả của phanh và có thể gây ra tai nạn.
5. Bôi trơn xích tải ngay sau khi rửa xe và lau khô xe.
6. Bôi một lớp chất bảo quản để chống gỉ sét cho xe.
 - ▶ Không sử dụng chất bảo quản có chứa hóa chất hoặc chất tẩy rửa mạnh. Những chất này có thể làm hư hỏng các chi tiết kim loại, sơn và nhựa trên xe. Không để chất bảo quản bắn vào lốp xe và phanh.
 - ▶ Nếu trên xe có các chi tiết sơn mờ, không phủ chất bảo quản lên bề mặt sơn mờ của các chi tiết đó.

■ Lưu ý khi rửa xe

Làm theo hướng dẫn sau khi rửa xe:

- Không sử dụng vòi nước có áp suất cao để rửa xe:
 - ▶ Vòi xịt nước áp suất cao có thể gây hư hỏng các chi tiết chuyển động hoặc các chi tiết điện trên xe làm cản trở hoạt động của các chi tiết này.
 - ▶ Nước có thể lọt vào bên trong bộ họng ga và/hoặc vào lọc gió.
- Không được phun nước trực tiếp vào khu vực ống xả:
 - ▶ Nước lọt vào ống xả có thể ngăn cản quá trình khởi động và gây gỉ sét bên trong ống xả.
- Làm khô phanh:
 - ▶ Nước lọt vào hệ thống phanh làm giảm hiệu quả của phanh. Sau khi rửa xe, phanh ngắt quãng ở tốc độ thấp để làm khô phanh.
- Không phun nước trực tiếp vào dưới yên xe:
 - ▶ Nước lọt vào bên trong hộp đựng đồ dưới yên xe có thể làm hỏng các tài liệu hoặc các vật dụng khác bên trong.

- Không phun nước trực tiếp vào lọc gió:
 - ▶ Nước lọt vào bên trong lọc gió có thể cản trở động cơ khởi động.
- Không phun nước trực tiếp vào khu vực xung quanh đèn pha:
 - ▶ Phía bên trong chụp đèn pha có thể bị mờ hơi nước tạm thời sau khi rửa xe hoặc khi lái xe dưới trời mưa. Điều này không ảnh hưởng tới chức năng của đèn pha. Tuy nhiên, nếu thấy lượng nước nhiều hoặc có băng tích tụ bên trong chụp đèn, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để được kiểm tra.
- Không được bôi chất bảo quản hoặc dầu làm bóng lên bề mặt các chi tiết sơn mờ:
 - ▶ Sử dụng khăn mềm hoặc miếng xốp mềm nhúng với nhiều nước và chất tẩy rửa nhẹ để vệ sinh các bề mặt chi tiết sơn mờ. Sử dụng khăn mềm, sạch để lau khô.

Các chi tiết bằng nhôm

Nhôm dễ bị ăn mòn khi tiếp xúc với bụi bẩn, bùn đất hoặc muối trên đường. Vệ sinh các

chi tiết bằng nhôm đều đặn và thực hiện theo những hướng dẫn sau để tránh làm trầy xước bề mặt nhôm:

- Không dùng bàn chải sợi cứng, giẻ rửa bát bằng sợi thép hoặc các dụng cụ vệ sinh khác có khả năng mài mòn.
- Tránh để các bề mặt chi tiết bằng nhôm va chạm với lề đường.

Các ốp nhựa

Thực hiện theo những hướng dẫn sau để tránh làm trầy xước các ốp nhựa:

- Vệ sinh ốp nhựa bằng xốp mềm và nhiều nước.
- Để loại bỏ các vết bám trên ốp nhựa, hãy sử dụng dung dịch tẩy rửa được pha loãng và xả sạch bằng nhiều nước.
- Tránh để xăng, dầu phanh hoặc chất tẩy rửa bám vào bảng thiết bị, các ốp nhựa hoặc đèn pha.

Kính chắn gió

Vệ sinh kính chắn gió bằng khăn mềm hoặc miếng xốp với nhiều nước. (Tránh sử dụng các chất tẩy rửa hoặc bất kỳ hóa chất nào lau kính chắn gió.) Sử dụng khăn mềm, sạch để lau khô.

LƯU Ý

Để tránh không làm xước hoặc hỏng kính, chỉ nên sử dụng nước và khăn mềm hoặc miếng xốp để lau.

Đối với kính chắn gió bám nhiều bụi bẩn, nên sử dụng miếng xốp nhúng vào nước với dung dịch tẩy rửa trung tính pha loãng để lau. Hãy rửa sạch các chất tẩy rửa. (Cặn chất tẩy có thể gây nứt kính.)

Thay kính chắn gió mới nếu có vết xước không thể lau sạch được và cản trở tầm nhìn.

Cẩn thận không để dung dịch điện phân bình điện, dầu phanh hoặc các hóa chất khác dính vào kính chắn gió và ốp kính chắn gió. Các chất này sẽ làm hỏng bề mặt nhựa.

Ống xả và cổ xả

Mặc dù cổ xả và ống xả được làm bằng thép không gỉ, nhưng vẫn có thể bị đổi màu do bùn đất hoặc bụi bẩn.

Để loại bỏ bùn đất hoặc bụi bẩn, nên dùng khăn ẩm thấm nước tẩy rửa nhà bếp để lau, sau đó tráng lại bằng nước sạch. Lau khô bằng khăn mềm.

Nếu cần thiết, sử dụng loại bột mịn có sẵn trên thị trường để loại bỏ vết ố màu do nhiệt trên ống xả. Sau đó rửa sạch theo quy trình tương tự như khi loại bỏ bùn đất và bụi bẩn.

Đối với cổ xả và ống xả có lớp sơn bên ngoài, không dùng nước rửa bát để vệ sinh. Sử dụng chất tẩy rửa trung tính để vệ sinh bề mặt ống xả. Nếu bạn không chắc là ống xả và cổ xả đã được sơn hay chưa, hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

LƯU Ý

Mặc dù ống xả được làm từ thép không gỉ nhưng vẫn có khả năng đổi màu. Loại bỏ tất cả các vết bẩn ngay khi thấy chúng xuất hiện.

Bảo quản xe

Nếu bảo quản xe ở ngoài trời, nên sử dụng tấm che phủ toàn bộ xe.

Nếu không sử dụng xe trong thời gian dài, hãy thực hiện theo các bước sau:

- Rửa xe và bôi chất bảo quản lên tất cả các bề mặt sơn (ngoại trừ các bề mặt sơn mờ). Bôi dầu chống gỉ sét vào các chi tiết mạ crom.
- Bôi trơn xích tải. ➡ T. 72
- Dựng xe bằng chân chống bảo dưỡng và đặt lên bệ sao cho cả hai bánh không chạm đất.
- Sau khi hết mưa, hãy tháo tấm che phủ xe ra và để cho xe khô ráo.
- Tháo bình điện (➡ T. 78) để tránh làm hao hụt điện áp. Sạc đầy bình điện và sau đó đặt ở khu vực râm mát, thoáng khí.
 - Nếu không tháo bình điện, hãy tháo dây cực âm $\ominus$ ra khỏi cực bình điện để tránh hiện tượng phóng điện.

Vận chuyển xe

Sau khi hết thời gian bảo quản, hãy kiểm tra bảo dưỡng xe định kỳ theo các hạng mục đưa ra trong Lịch bảo dưỡng.

Vận chuyển xe

Nếu cần phải vận chuyển xe, nên sử dụng ô tô chuyên chở hoặc ô tô tải có sàn phẳng, ô tô có trang bị thang tải hoặc thang nâng xe, có dây chằng chắc chắn. Không được kéo rê xe một bánh hoặc hai bánh trên đường.

LƯU Ý

Kéo rê xe trên đường có thể gây hư hỏng nghiêm trọng đến hệ thống truyền động.

Bạn & Môi trường xung quanh

Sở hữu một chiếc xe và lái xe là một trải nghiệm rất thú vị, tuy nhiên cần phải chú ý đến việc bảo vệ môi trường xung quanh.

Lựa chọn nước rửa vệ sinh xe thích hợp

Sử dụng chất tẩy rửa sinh học để rửa xe. Tránh dùng nước rửa dạng xịt có chứa chất CFCs phá hủy tầng ô zôn.

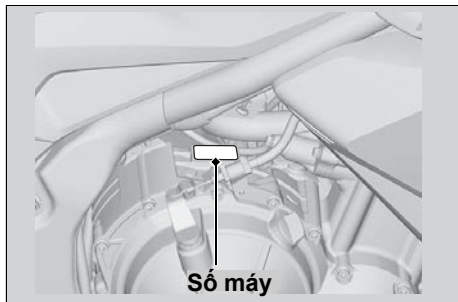
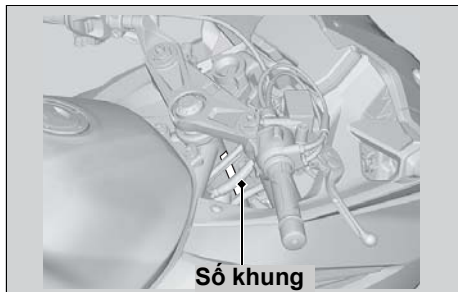
Tái chế chất thải

Xả dầu và các chất thải độc hại khác vào một bình kín tiêu chuẩn và mang tới trung tâm tái chế. Liên hệ với các cơ quan nhà nước và địa phương hoặc các dịch vụ về môi trường để tìm kiếm nơi xử lý chất thải gần nơi bạn đang sống và được hướng dẫn xử lý đối với các chất thải không tái sử dụng được. Không đổ dầu động cơ đã sử dụng vào thùng rác hoặc đổ xuống kênh mương, xuống đường. Xăng,

dầu, nước làm mát đã qua sử dụng và một số dung môi tẩy rửa khác có thể gây hại cho những người thu gom rác thải và gây nhiễm độc nguồn nước sinh hoạt, sông, hồ và đại dương.

Số khung, số máy

Số khung và số máy là cơ sở để nhận dạng chiếc xe của bạn và cần phải có khi đi đăng ký xe. Khi đặt phụ tùng thay thế cần phải có thông tin về số khung và số máy này. Nên ghi lại số khung, số máy và lưu giữ ở nơi an toàn.



Xăng chứa cồn

Một số loại xăng pha cồn thông thường có sẵn trên thị trường có tác dụng làm giảm lượng khí thải ra môi trường đáp ứng tiêu chuẩn khí sạch. Nếu bạn có ý định sử dụng xăng pha cồn, hãy kiểm tra chắc chắn loại xăng đó không chứa chì và đạt chỉ số ốc tan yêu cầu tối thiểu.

Sau đây là hỗn hợp xăng pha cồn có thể sử dụng trên xe của bạn:

- Không quá 10% ethanol (ethyl alcohol).
 - ▶ Xăng có chứa ethanol được bán trên thị trường dưới tên là Gasohol.

Sử dụng xăng chứa trên 10% ethanol có thể:

- Phá hủy lớp sơn bên trong bình xăng.
- Phá hủy các đường ống dẫn xăng cao su.
- Gây gỉ sét bình xăng.
- Làm máy vận hành kém.

LƯU Ý

Sử dụng hỗn hợp xăng pha cồn có chứa lượng ethanol cao quá mức cho phép có thể gây hư hỏng các chi tiết nhựa, cao su và kim loại của hệ thống xăng.

Nếu phát hiện xe có hiện tượng hoặc vấn đề liên quan đến vận hành, hãy thử đổi sang dùng loại xăng khác.

Bộ chuyển đổi chất xúc tác

Loại xe này được trang bị bộ chuyển đổi chất xúc tác ba chiều. Bộ chuyển đổi chất xúc tác này chứa các kim loại quý được sử dụng làm chất xúc tác trong các phản ứng hóa học ở nhiệt độ cao nhằm chuyển đổi các khí hydrocacbon (HC), cacbon monoxit (CO) và nitơ ôxít (NOx) trong khí xả thành những hợp chất an toàn.

Bộ chuyển đổi bị hỏng sẽ gây ô nhiễm không khí và ảnh hưởng tới việc vận hành của động cơ. Cần phải thay mới bằng phụ tùng chính hãng của Honda hoặc loại tương đương.

Thực hiện theo các hướng dẫn sau đây để bảo vệ bộ chuyển đổi chất xúc tác trên xe.

- Luôn sử dụng xăng không chì. Xăng có chì sẽ làm hỏng bộ chuyển đổi chất xúc tác.
- Giữ động cơ ở điều kiện hoạt động tốt.
- Nếu thấy động cơ không nổ máy, chết máy hoặc không vận hành đúng cách, hãy tắt máy và mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để sửa chữa.

Thông số kỹ thuật

■ Các bộ phận chính

Chiều dài	2.080 mm (81.9 in)
Chiều rộng	Loại ED, U 755 mm (29.7 in)
	Loại KO 730 mm (28.7 in)
Chiều cao	1.145 mm (45.1 in)
Khoảng cách hai bánh xe	1.410 mm (55.5 in)
Khoảng sáng gầm xe	130 mm (5.1 in)
Góc nghiêng phuộc trước	Loại ED, U 25°30'
	Loại KO 25,5°
Chiều dài vết quét	Loại ED, U 101 mm (4.0 in)
	Loại KO 102 mm (4.0 in)
Khối lượng bản thân	Loại ED, U 192 kg (423 lb)
	Loại KO 190 kg (419 lb)
Khả năng chở tối đa *1	Loại ED, U 182 kg (401 lb)
	Loại KO 162 kg (357 lb)
Khối lượng hành lý tối đa *2	Loại ED 11 kg (24 lb)
Khả năng chở người	Người lái và 1 người ngồi sau
Bán kính quay tối thiểu	2,9 m (9.5 ft)
Dung tích xy lanh	471 cm ³ (28.7 cu-in)
Đường kính xy lanh x Hành trình piston	67,0 x 66,8 mm (2.64 x 2.63 in)
Tỷ số nén	10,7:1
Nhiên liệu	Xăng không chì
	Xăng khuyến dùng: RON 91 hoặc cao hơn
Xăng chứa cồn	Không quá 10 % ETHANOL

Dung tích bình xăng	17,1 L (4.52 US gal, 3.76 Imp gal)
Bình điện	YTZ8V
	12 V- 7,0 Ah (10 HR) / 7,4 Ah (20 HR)
Tỷ số truyền	Số 1 3,285
	Số 2 2,105
	Số 3 1,600
	Số 4 1,300
	Số 5 1,150
	Số 6 1,043
Tỷ số giảm tốc (sơ cấp/cuối)	2,029 / 2,733

*1 : Bao gồm người lái, người ngồi sau, toàn bộ hành lý và phụ kiện kèm theo.

*2 : Bao gồm khối lượng của hành lý và phụ kiện đi kèm.

Thông số kỹ thuật

■ Dữ liệu sửa chữa

Kích cỡ lốp	Lốp trước	120/70ZR17M/C (58W)
	Lốp sau	160/60ZR17M/C (69W)
Kiểu lốp	Lốp không sấm hướng tâm	
Lốp khuyến dùng	Lốp trước	DUNLOP D222F W
		MICHELIN ROAD5
	Lốp sau	DUNLOP D222 W
		MICHELIN ROAD5
Loại lốp sử dụng *1	Bình thường	Được phép
	Đặc biệt	Không được phép
	Đi trên tuyết	Không được phép
	Xe đạp máy	Không được phép
Áp suất lốp	Lốp trước	250 kPa (2.50 kgf/cm ² , 36 psi)
	Lốp sau	290 kPa (2.90 kgf/cm ² , 42 psi)
Độ sâu gai lốp tối thiểu	Lốp trước	1,5 mm (0.06 in)
	Lốp sau	2,0 mm (0.08 in)
Bugì	(tiêu chuẩn)	CPR8EA-9 (NGK)
Khe hở bugì	0,8 - 0,9 mm (0.03 - 0.04 in)	
Tốc độ cầm chừng	1.200 ± 100 (vòng/phút)	
Dầu động cơ khuyến dùng	Dầu máy Honda 4 kỳ cho xe máy, phân loại SG theo nhãn API hoặc loại cao hơn, ngoại trừ loại dầu có dòng chữ "Energy Conserving" hoặc "Resource Conserving", dầu MA theo tiêu chuẩn JASO T 903, độ nhớt SAE 10W-30	

Dung tích dầu động cơ	Sau khi xả	2,5 L (2.6 US qt, 2.2 Imp qt)
	Sau khi xả và thay lọc dầu động cơ	2,7 L (2.9 US qt, 2.4 Imp qt)
	Sau khi rửa máy	3,2 L (3.4 US qt, 2.8 Imp qt)
Dầu phanh khuyến dùng	Dầu phanh Honda DOT 4	
Dung tích hệ thống làm mát	1,40 L (1.48 US qt, 1.23 Imp qt)	
Dung dịch làm mát khuyến dùng	Dung dịch làm mát Pro Honda HP	
Dầu bôi trơn xích tải khuyến dùng	Dầu bôi trơn xích tải quy định dùng với xích phốt O	
	Nếu không có sẵn dầu bôi trơn xích tải, hãy sử dụng dầu hộp số SAE 80 hoặc 90.	
Độ chùng xích tải	25 - 35 mm (1.0 - 1.4 in)	
Xích tải tiêu chuẩn	DID520VF hoặc RK520KLO2	
	Số lượng mắt xích	112
Kích cỡ nhông tiêu chuẩn	Nhông dẫn động	15 răng
	Nhông bị động	41 răng

*1 : Quy định EU

■ Bóng đèn

Đèn pha	LED
Đèn phanh/Đèn hậu	LED
Đèn báo rẽ trước	LED
Đèn báo rẽ sau	LED
Đèn vị trí	LED
Đèn soi biển số	12 V-5 W

■ Cầu chì

Cầu chì chính	30 A
Cầu chì khác	30 A, 15 A, 7,5 A

A	
ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh) ..	12

B	
Bảng thiết bị.....	20

Bảo dưỡng	
An toàn bảo dưỡng	62
Lịch bảo dưỡng	63
Nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản	66
Tầm quan trọng của việc bảo dưỡng	62

Bảo quản xe	121
--------------------------	------------

Bình điện	68, 78
------------------------	---------------

Bộ chuyển đổi chất xúc tác.....	126
--	------------

Bộ dụng cụ sửa chữa	107
----------------------------------	------------

Bóng đèn	
Đèn soi biển số.....	109

C	
----------	--

Các công tắc	50
---------------------------	-----------

Các đèn báo	44
--------------------------	-----------

Cảnh báo khi lái xe	11
----------------------------------	-----------

Cầu chì.....	70, 110
---------------------	----------------

Chân chống nghiêng.....	90
--------------------------------	-----------

Chìa khóa điện	113
-----------------------------	------------

Chỗ để đồ	
------------------	--

Bộ dụng cụ.....	59
-----------------	----

Dụng cụ.....	58
--------------	----

Sách hướng dẫn sử dụng	59, 116
------------------------------	---------

Công tắc cảnh báo nguy hiểm.....	50
---	-----------

Công tắc đèn pha/cốt	50
-----------------------------------	-----------

Công tắc đèn phanh	89
---------------------------------	-----------

Công tắc điều khiển đèn vượt.....	50
--	-----------

D	
----------	--

Dầu	
------------	--

Động cơ	70, 83
---------------	--------

Dụng cụ.....	77
---------------------	-----------

Dung dịch làm mát.....	73, 85
-------------------------------	---------------

Dựng xe	13
----------------------	-----------

Đèn báo ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh).....	47, 104
--	----------------

Đèn báo áp suất dầu thấp	47, 102
---------------------------------------	----------------

Đèn báo HISS	47, 100
---------------------------	----------------

Đèn báo không số.....	45
------------------------------	-----------

Đèn báo lỗi PGM-FI (Phun xăng điện tử) (MIL)	45, 103
---	----------------

Đèn báo pha.....	45
Đèn báo rẽ.....	44
Đèn báo REV.....	38, 45
Đèn báo vị trí số	21
Đèn cảnh báo sáng	102
Điều chỉnh đồng hồ điện tử	33
Đồ xăng	57
Động cơ	
Công tắc ngắt động cơ.....	50, 53, 115
Dầu động cơ	70, 83
Khởi động động cơ	53
Không khởi động.....	100
Ngắt động cơ	115
Quá nhiệt động cơ	101
Số máy	124
Đồng hồ.....	21, 33
Đồng hồ đo hành trình.....	28, 115
Đồng hồ đo nhiệt độ dung dịch làm mát	22
Đồng hồ đo quãng đường.....	28, 115
Đồng hồ đo quãng đường đi được với	
lượng xăng dự trữ.....	28
Đồng hồ đo tốc độ	21
Đồng hồ đo tốc độ động cơ.....	21

Đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số.....	28
Đồng hồ đo tốc độ trung bình	25

G

Giảm xóc sau	98
Giảm xóc trước.....	97
Giới hạn trọng tải	16

H

Hệ thống côn.....	92
Hệ thống ngắt máy	
Cảm biến góc nghiêng.....	116
Chân chống nghiêng	90
Hệ thống tắt máy bằng chân chống	
nghiêng.....	90
Hiện thị đồng hồ đo tốc độ động cơ.....	42
Hướng dẫn về trọng tải.....	16

K

Khả năng chở tối đa.....	16
Khóa cổ lái	52
Khóa điện	51, 53, 115
Khởi động động cơ	53

Khuyên dùng

Dầu	70
Dung dịch làm mát	73
Xăng	57

L**Lốp xe**

Áp suất lốp	74
Thay lốp	74, 107
Thủng lốp	107

M

Móc giữ mũ bảo hiểm	58
Môi trường	123

N

Ngắt động cơ	115
Nhãn hình ảnh	6
Nhiên liệu	

Dung tích bình xăng	57
Đồng hồ báo xăng	22
Đồng hồ đo lượng tiêu thụ nhiên liệu	25
Đồng hồ đo mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại	24

Đồng hồ đo mức tiêu hao nhiên liệu

trung bình	24
Lượng xăng còn lại	22
Lượng nhiên liệu dự trữ đã tiêu thụ	26
Xăng khuyên dùng	57
Những cảnh báo về an toàn	10
Nút còi	50
Nút đề	50, 53
Nút SEL	20
Nút SET	20

P**Phanh**

Dầu phanh	71, 87
Điều chỉnh cần phanh	96
Mòn má phanh	88
Phanh	12
Phụ kiện	15

Q

Quá nhiệt	101
Quy trình sang số	54

R		V	
Rửa xe	117	Vận chuyển xe	122
S		Vị trí các bộ phận.....	18
Số khung, số máy	124	X	
T		Xăng.....	57
Tay ga.....	95	Xích tải.....	91
Tháo		Y	
Bình điện	78	Yên sau.....	81
Kẹp.....	79	Yên trước	80
Ốp cạnh trái.....	82		
Yên sau	81		
Yên trước	80		
Thay đổi thiết kế.....	15		
Thời gian thực hiện hành trình.....	26		
Thông số kỹ thuật	127		
Tìm kiếm hư hỏng	99		
Trang bị			
Bộ dụng cụ	59		
Sách hướng dẫn sử dụng	59, 116		
Trang phục bảo hộ.....	10		
Trục trục về điện	108		

